

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



HOÀNG VĂN QUANG



PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ
THEO CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO
THẾ HỆ MỚI Ở VIỆT NAM

ĐỀ ÁN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

Mã số: 8380107

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. TS. NGUYỄN THỊ HỒNG TRINH
2. PGS.TS. HÀ THỊ MAI HIÊN

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi. Các số liệu trong đề án là trung thực. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Đề án đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Những kết luận khoa học của đề án chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TP. Huế, ngày 20 tháng 10 năm 2023

HỌC VIÊN

Hoàng Văn Quang



LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành Đề án này, tôi xin chân thành cảm ơn tất cả Thầy Cô của Trường Đại học Luật, Đại học Huế đã tạo mọi điều kiện thuận lợi và có những góp ý quý báu, những chỉ dẫn tận tình giúp tôi hoàn thiện đề án của mình.

Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới.

1. TS. Nguyễn Thị Hồng Trinh.

2. PGS.TS. Hà Thị Mai Hiền.

Người tận tình chỉ bảo, giúp đỡ tôi hoàn thành đề án này.

Đề án chắc chắn sẽ có sẽ có những kiến thức thiếu sót cả về nội dung và hình thức, tôi rất mong nhận được sự góp ý của Thầy Cô để đề án được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

TP. Huế, tháng 10 năm 2023

HỌC VIÊN

Hoàng Văn Quang

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| Trang phụ bìa | |
| Lời cam đoan | |
| Lời cảm ơn | |
| Mục lục | |
| Danh mục chữ viết tắt | |
| PHẦN MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề án | 1 |
| 2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề án..... | 3 |
| 3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề án..... | 7 |
| 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề án..... | 8 |
| 5. Các phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu đề án..... | 8 |
| 6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề án | 9 |
| 7. Kết cấu của đề án..... | 10 |
| CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ THEO CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI | 11 |
| 1.1. Khái quát pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới | 11 |
| 1.1.1. Khái niệm về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới..... | 11 |
| 1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới | 15 |
| 1.1.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới | 17 |
| 1.1.4. Vai trò của pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới | 20 |

| | |
|---|-----------|
| 1.2. Các yếu tố tác động đến việc thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới..... | 23 |
| 1.2.1. Yếu tố kinh tế | 23 |
| 1.2.2. Yếu tố pháp luật, chính trị | 24 |
| 1.2.3. Yếu tố xã hội | 25 |
| Tiểu kết Chương 1 | 27 |
| CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ THEO CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI Ở VIỆT NAM | 28 |
| 2.1. Quy định của pháp luật hiện hành về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới..... | 28 |
| 2.1.1. Quy định về giải quyết tranh chấp đầu tư theo Hiệp định EVFTA..... | 28 |
| 2.1.2. Quy định về giải quyết tranh chấp đầu tư theo Hiệp định CPTPP | 30 |
| 2.2. Đánh giá quy định của pháp luật hiện hành về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới | 33 |
| 2.2.1. Những kết quả đạt được | 33 |
| 2.2.2. Hạn chế, vướng mắc | 37 |
| Tiểu kết Chương 2 | 39 |
| CHƯƠNG 3. THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ THEO CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI Ở VIỆT NAM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN | 40 |
| 3.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới | 40 |
| 3.1.1. Thực tiễn tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam...40 | |
| 3.1.2. Đánh giá thực tiễn thực hiện giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới | 49 |

| | |
|---|-----------|
| 3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới | 56 |
| 3.2.1. Hoàn thiện các quy định giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực đầu tư bằng các phương thức | 56 |
| 3.2.2. Minh bạch các quy định về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới | 58 |
| 3.3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới | 59 |
| 3.3.1. Đảm bảo một cơ chế giải quyết tranh chấp thực sự công bằng | 59 |
| 3.3.2. Vấn đề chi phí và tính minh bạch của vụ kiện tại ICSID | 62 |
| 3.3.3. Hạn chế tối đa tranh chấp trong việc thực thi các cam kết Hiệp định bảo hộ đầu tư | 63 |
| 3.3.4. Xây dựng cơ chế phòng ngừa và hỗ trợ giải quyết tranh chấp | 64 |
| 3.3.5. Về cơ chế hỗ trợ thông tin, pháp lý, bồi dưỡng lý luận, nâng cao năng lực từ phía Nhà nước đối với các tổ chức phi Chính phủ, trong đó có tổ chức trọng tài thương mại | 66 |
| 3.3.6. Đào tạo chuyên gia và chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để đối phó với các tranh chấp với nhà đầu tư nước ngoài | 67 |
| 3.3.7. Hoạt động của doanh nghiệp và nhà đầu tư | 69 |
| 3.3.8. Đảm bảo thực hiện hiệp định EVFTA và CPTPP | 69 |
| Tiểu kết Chương 3 | 71 |
| KẾT LUẬN | 72 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | |

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| STT | Từ viết tắt | Nghĩa đầy đủ |
|-----|-------------|--|
| 1 | AFTA | Hiệp định thương mại tự do ASEAN |
| 2 | BLDS | Bộ luật Dân sự |
| 3 | BLTTDS | Bộ luật tố Tụng dân sự |
| 4 | ICSID | Cơ chế giải quyết tranh chấp tranh chấp đầu tư quốc tế |
| 5 | EVIPA | Hiệp định bảo hộ đầu tư Việt Nam và EU |
| 6 | EVFTA | Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và EU |
| 7 | EU | Liên minh Châu Âu |
| 8 | WTO | Tổ chức Thương mại thế giới |

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề án

Trong xu thế hội nhập vô cùng năng động, các hoạt động thương mại, đầu tư phát triển vô cùng mạnh mẽ, các loại quan hệ này đều diễn ra rất đa dạng và phức tạp. Thực hiện các cam kết theo Hiệp định bảo hộ đầu tư Việt Nam và Liên minh châu Âu sẽ là động lực thúc đẩy Việt Nam tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, an toàn, minh bạch đối với nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế.

Cùng với những cam kết về mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ, đầu tư theo Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên minh châu Âu và thực thi Hiệp định, kể từ ngày Hiệp định bảo hộ đầu tư Việt Nam và Liên minh châu Âu có hiệu lực, đối với các vụ kiện mà Chính phủ Việt Nam là bị đơn, Việt Nam có nghĩa vụ công nhận và thực hiện các phán quyết chung thẩm của Cơ quan giải quyết tranh chấp theo Công ước New York năm 1958 về Công nhận và thi hành các quyết định trọng tài nước ngoài. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (từ Điều 423 đến Điều 431 và từ Điều 451 đến Điều 463) quy định thủ tục công nhận, từ chối công nhận thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài.

Tuy nhiên, các Điều 3.38 và Điều 3.39 của Hiệp định bảo hộ đầu tư Việt Nam và EU (EVIPA) quy định về Cơ quan giải quyết tranh chấp do đại diện của hai Bên chỉ định, bổ nhiệm. Do đó, Cơ quan giải quyết tranh chấp của Hiệp định bảo hộ đầu tư Việt Nam và Liên minh châu Âu là hệ thống giải quyết tranh chấp thành lập theo điều ước quốc tế, độc lập với pháp luật của mọi quốc gia và đối với pháp luật Việt Nam. Việt Nam chỉ quy định về trọng tài nước ngoài, chưa có quy định liên quan đến phán quyết của loại cơ chế giải quyết tranh chấp theo Hiệp định nêu trên.

Để thi hành Hiệp định bảo hộ đầu tư Việt Nam và Liên minh châu Âu đồng thời phát huy tối đa những lợi ích mang lại từ Hiệp định, Việt Nam cũng

đứng trước một số khó khăn, thách thức do thể chế, chính sách, cơ chế quản lý của Việt Nam còn một số mặt hạn chế; hệ thống kết cấu hạ tầng và nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu. Trong bối cảnh đó, để thực thi Hiệp định bảo hộ đầu tư Việt Nam và Liên minh châu Âu có hiệu quả, cần tiếp tục rà soát hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; xây dựng đề án tuyên truyền, phổ biến đến các ngành, các cấp, doanh nghiệp và người dân, có chính sách hỗ trợ để nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam; nâng cao đội ngũ cán bộ công chức, thẩm phán, luật sư, trọng tài viên quốc tế để đáp ứng xử lý các tranh phát sinh theo khuôn khổ Hiệp định.

Trong quá trình hợp tác quốc tế, hệ thống các quy phạm điều chỉnh loại hình tranh chấp đầu tư quốc tế đã luôn được thay đổi. Riêng đối với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên, cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ nước tiếp nhận đầu tư (ISDS) giữ vị trí chủ đạo.

Việc thực thi Hiệp định Bảo hộ đầu tư Việt Nam – EU sẽ đem lại một cơ sở tốt cho việc mở rộng các cơ hội đầu tư và thương mại giữa hai bên; đồng thời là động lực cho Việt Nam tiếp tục cải cách, hoàn thiện thể chế để thu hút đầu tư. Việc giải quyết các tranh chấp xảy ra trong lĩnh vực đầu tư của các quốc gia trên thế giới không phải chỉ có biện pháp sử dụng quyền lực của Nhà nước mà còn có nhiều cách thức hiệu quả khác như thương lượng hoặc thông qua sự lựa chọn trung gian như hòa giải hoặc Trọng tài. Các phương thức này đã được ghi nhận trong hiệp định song phương về bảo hộ đầu tư (BIT) mà Việt Nam đã ký kết.

Vậy, quy định của các hiệp định này về giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư giữa Chính phủ Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài như thế nào? Thực trạng giải quyết tranh chấp giữa Chính phủ Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài trong thời gian qua ra sao? Còn những vướng mắc gì trong quá trình giải

quyết tranh chấp giữa Chính phủ Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài? Việc nghiên cứu những vấn đề này sẽ là cơ sở để kiến nghị những giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp giữa Chính phủ Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài.

Chính vì lý do đó nên đề án "***Pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới ở Việt Nam***" được chọn để thực hiện nghiên cứu trong nội dung của đề án tốt nghiệp này.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề án

Qua thời gian tìm hiểu, có thể nhận thấy, liên quan đến nội dung đề án, trên thực tế đã có nhiều nhiều công trình, bài báo cả trong nước lẫn ngoài nước về đầu tư như:

Thứ nhất, nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư theo các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới là các luận án, luận văn luật kinh tế, bao gồm:

Lê Minh Huân (2023), Pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với chính phủ Việt Nam theo các hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư song phương, Luận văn thạc sĩ Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế. Luận văn nhằm nhận dạng thực trạng pháp luật hiện hành, các điều ước quốc tế song phương và thực tiễn thực hiện pháp luật tại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước tiếp nhận đầu tư và Nhà đầu tư nước ngoài. Từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam theo quy định các điều ước quốc tế song phương về khuyến khích và bảo hộ đầu tư.

Đào Thị Lâm Anh (2018), Luận văn thạc sĩ, "*Thực trạng giải quyết tranh chấp giữa nhà nước Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*", Trường Đại học Luật Hà Nội. Luận văn nghiên cứu các vấn đề lý luận về giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước tiếp nhận đầu tư

và Nhà đầu tư nước ngoài, trên cơ sở nghiên cứu thực trạng giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước Việt Nam và Nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; phát hiện những điểm hạn chế, vướng mắc trong giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước Việt Nam và Nhà đầu tư nước ngoài nhằm đưa ra một số giải pháp cơ bản mang tính định hướng hoàn thiện, tập trung nghiên cứu đưa ra các nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước Việt Nam và Nhà đầu tư nước ngoài.

Võ Tiến Anh (2017), Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và chính phủ nước nhận đầu tư, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Luận văn tiến hành nghiên cứu với hai mục đích. Một là, xác định hệ thống các cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và chính phủ nước nhận đầu tư. Hai là, luận văn không hướng đến việc đề xuất sửa đổi quy định pháp luật mà mong muốn góp phần làm rõ những lợi ích, hạn chế và tính hiệu quả của từng cơ chế.

Lương Thanh Bình (2015), Luận văn thạc sĩ, “*Giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước với nhà đầu tư nước ngoài theo cơ chế của ICSID*”, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn nghiên cứu những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp trong đầu tư nước ngoài, về cơ chế giải quyết của Trung tâm giải quyết tranh chấp trong đầu tư quốc tế ICSID, những vụ việc thực tiễn đã và đang được giải quyết tại Trung tâm, kinh nghiệm áp dụng những quy định của ICSID của một số quốc gia trên thế giới. Trên cơ sở đó, luận văn đưa ra những khuyến nghị đối với Việt Nam liên quan đến giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là liên quan tới việc giải quyết tranh chấp tại ICSID.

Hoàng Thị Thanh (2015), Luận văn thạc sĩ, “*Các biện pháp khuyến khích và bảo đảm đầu tư theo pháp luật Việt Nam hiện hành*”, Viện Đại học mở Hà Nội. Luận văn nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật khuyến khích

và bảo đảm đầu tư. Phân tích làm rõ hơn nội dung các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về khuyến khích và bảo đảm đầu tư. Đánh giá thực trạng pháp luật khuyến khích và bảo đảm đầu tư tại Việt Nam, trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp then chốt nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về khuyến khích và bảo đảm đầu tư tại Việt Nam.

Đồng Thị Kim Thoa (2013), *Luận án tiến sĩ, “Cơ chế giải quyết tranh chấp trong tư pháp quốc tế và thực tiễn Việt Nam”*, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận án tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận, thực tiễn pháp lý cơ bản và tổng hợp về khái niệm, cấu trúc, tiêu chí xây dựng, thực trạng và giải pháp hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp trong Tư pháp quốc tế Việt Nam.

Thứ hai, nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư theo các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới là các bài báo, báo cáo, bao gồm:

Về công trình là các bài viết đăng trên tạp chí có thể kể đến: Nguyễn Minh Hằng (2012), “Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và chính phủ nước tiếp nhận đầu tư - Một vài suy nghĩ đối với Việt Nam”, Tạp chí Luật học, Số đặc san Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế /2012, tr.87-93; Đỗ Thanh Hà (2016), “Tìm hiểu cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư giữa nhà đầu tư nước ngoài với chính phủ nước tiếp nhận đầu tư”, Tạp chí Nghề luật, số 2/2016, tr.76-78.

Những công trình, bài báo này đã nhấn mạnh những ưu điểm nổi bật của cơ chế giải quyết tranh chấp này như tính khách quan, trung lập, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư của các nước phát triển khi đầu tư tại các nước đang phát triển. Trong số các công trình cũng như những bài báo nói trên, một số vấn đề của cơ chế giải quyết tranh chấp này cũng đã được bàn đến. Sự trì trệ, chậm trễ của các cơ quan nhà nước tại các quốc gia tiếp nhận đầu tư, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển là một lực

cản đáng kể cho việc giải quyết tranh chấp. Các tài liệu trên, bước đầu đã khẳng định về mặt lý luận cần thiết phải có một cơ chế hiệu quả để giải quyết các tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với Nhà nước Việt Nam với tư cách là nhà nước tiếp nhận đầu tư. Một số bài viết đã giới thiệu sơ lược về cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư nước ngoài tại ICSID hoặc đi sâu vào một trong các vấn đề trong cơ chế đó như quy tắc trọng tài, quy tắc hòa giải của ICSID. Tuy vậy, chưa có bài viết hay công trình nghiên cứu nào phân tích một cách toàn diện về mặt lý luận và thực tiễn cơ chế giải quyết tranh chấp trong đầu tư nước ngoài tại ICSID để đưa ra bài học kinh nghiệm và những giải pháp kiến nghị cho Việt Nam

Các công trình nghiên cứu này đa số là nghiên cứu quy định của BLDS năm 2015 và BLTTDS năm 2015 và các văn bản Luật chuyên ngành khác, đa phần đều là những quy định đã hết hiệu lực, hơn nữa, phạm vi nghiên cứu của các bài viết chỉ tập trung một số khía cạnh trong pháp luật về giải quyết tranh chấp có yếu tố nước ngoài. Cho nên, đề án sẽ kế thừa kết quả nghiên cứu của các bài viết nói trên để nghiên cứu những vấn đề trên một cách tổng quát về lý luận cùng thực tiễn dựa trên những quy định mới của BLDS năm 2015 và BLTTDS năm 2015 và các văn bản Luật khác.

Các công trình nói trên đã phần nào làm rõ về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài, về cơ chế giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài nói chung, giữa Nhà nước Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài nói riêng hoặc đi sâu vào một trong các vấn đề trong cơ chế đó như quy tắc trọng tài, quy tắc hòa giải của ICSID. Tuy vậy, chưa có công trình nghiên cứu nào nghiên cứu một cách toàn diện về pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp đầu tư theo hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như EVFTA, EVIPA, CPTPP để đưa ra những giải pháp kiến nghị cho Việt Nam. Đề án kế thừa các kết quả sau:

i) Về lý luận pháp luật: đề án kế thừa một số khái niệm, một số gọi mở để có những giải pháp hoàn thiện pháp luật.

ii) Về thực tiễn: đề án kế thừa một số nhận định về các vướng mắc của việc áp dụng pháp luật; nhận định nguyên nhân của vướng mắc.

Đề án nghiên cứu chuyên sâu về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với Chính phủ Việt Nam theo các hiệp định.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề án

3.1. Mục đích nghiên cứu.

Đề án nhằm đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam theo quy định các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (EVFTA, CPTPP).

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu.

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu nêu trên, đề án có các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

Thứ nhất, hệ thống cơ sở lý luận pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam theo quy định các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (EVFTA, CPTPP).

Thứ hai, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với chính phủ tiếp nhận đầu tư.

Thứ ba, đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam theo quy định các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (EVFTA, CPTPP) của Việt Nam và xác định những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam theo quy định các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (EVFTA, CPTPP).

Thứ tư, đề xuất được các giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam theo quy định các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (EVFTA, CPTPP).

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề án

4.1. Đối tượng nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu đề án bao gồm:

Nghiên cứu các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam và quy định trong hiệp định thương mại tự do thế hệ mới của Việt Nam.

Nghiên cứu pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam.

Nghiên cứu thực tiễn thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam và quy định trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới của Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Phạm vi nghiên cứu của đề án là nghiên cứu các quy định hiện hành trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam ký kết về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam. Đồng thời, đề án tập trung đánh giá thực tiễn giải quyết tranh chấp giữa Chính phủ Việt Nam – Nhà nước tiếp nhận đầu tư và Nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (EVFTA, CPTPP) trong thời gian qua cũng là trọng tâm nghiên cứu của đề án.

Về không gian: Thực tiễn tại Việt Nam.

Về thời gian: Năm 2017 đến năm 2022

5. Các phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu đề án

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu.

Đề án vận dụng cách tiếp cận theo phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

5.2. Phương pháp nghiên cứu.

Trong quá trình nghiên cứu, đề án sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học gồm:- Phương pháp phân tích quy phạm và tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của đề án, trong đó trọng tâm là Chương 1 và Chương 2 để phân tích các khái niệm, phân tích quy định của pháp luật.

- Phương pháp hệ thống hóa pháp luật: Sử dụng hệ thống các văn bản pháp luật về đánh giá tác động môi trường được sử dụng chủ yếu ở Chương 1 và Chương 2 đề án.

- Phương pháp phân tích định lượng và phân tích trường hợp chủ yếu: Được sử dụng trong Chương 2 để làm rõ các số liệu thứ cấp thu thập trong quá trình tiến hành nghiên cứu.

- Phương pháp so sánh: Được sử dụng trong đề án để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, được sử dụng chủ yếu ở Chương 2 đề án.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: Sử dụng nghiên cứu phân tích việc áp dụng pháp luật, chỉ ra những hạn chế trong áp dụng pháp luật, được sử dụng ở Chương 2 đề án.

- Phương pháp bình luận và dự báo khoa học: Được sử dụng chủ yếu trong Chương 3 của đề án để đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật trên cơ sở những luận cứ khoa học.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề án

6.1. Về ý nghĩa khoa học.

Kết quả đề án góp phần làm rõ thêm một số vấn đề lý luận về giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước tiếp nhận đầu tư và Nhà đầu tư nước ngoài; từ đó rút ra được những giá trị tiến bộ và một số hạn chế của các hiệp định thương mại

tự do thể hệ mới về giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước tiếp nhận đầu tư và Nhà đầu tư nước ngoài.

6.2. Về ý nghĩa thực tiễn.

Kết quả đề án góp một phần nhằm nâng cao hiệu quả trong thực tiễn giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước Việt Nam và Nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại tự do thể hệ mới.

Đề án góp phần làm nguồn tài liệu tham khảo nghiên cứu, giảng dạy và học tập đối với những người làm công tác pháp luật, đặc biệt là đối với đội ngũ giảng viên, học viên, sinh viên ngành luật thương mại quốc tế.

7. Kết cấu của đề án.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của đề án gồm có 3 chương sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thể hệ mới.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thể hệ mới ở Việt Nam

Chương 3: Thực tiễn áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thể hệ mới ở Việt Nam và giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng.

CHƯƠNG 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ THEO CÁC HIỆP ĐỊNH
THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI

1.1. Khái quát pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

1.1.1. Khái niệm về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

Tranh chấp là một khái niệm pháp lý có rất nhiều cách hiểu và định nghĩa khác nhau. Theo từ điển pháp lý Black's Law Dictionary, tranh chấp được định nghĩa là sự bất đồng hay mâu thuẫn về quyền lợi hay các yêu cầu, đòi hỏi giữa hai chủ thể. Để xác định sự tồn tại của tranh chấp trong các vụ tố tụng, trong một vụ việc do Tòa thường trực về công lý quốc tế (PCIJ) giải quyết, tòa đã đưa ra một định nghĩa rộng về tranh chấp, đó là sự bất đồng trên cơ sở luật pháp hay thực tế, sự mâu thuẫn về quan điểm pháp lý hoặc về quyền lợi giữa hai chủ thể. Trong một vụ khác, Tòa án công lý quốc tế (ICJ) xác định tranh chấp là một tình huống mà hai bên thể hiện quan điểm trái ngược rõ ràng về việc thực hiện hay không thực hiện một nghĩa vụ theo thỏa thuận¹. Từ những cách định nghĩa trên, có thể hiểu tranh chấp pháp lý có đặc điểm là sự bất đồng, mâu thuẫn trên cơ sở luật pháp hay thực tế về quyền lợi hay nghĩa vụ 12 Phán quyết số 2 của vụ Mavrommatis Palestine Concessions, năm 1924, PCIJ, series A, No.2, trang 11. giữa các chủ thể. Sự mâu thuẫn và bất đồng này có thể phát sinh trong nhiều loại quan hệ pháp luật (dân sự, hình sự hoặc hành chính) và giữa các chủ thể khác nhau. Trong quan hệ về đầu tư, tranh chấp có thể phát sinh giữa các nhà đầu tư với nhau hoặc giữa nhà đầu tư và Nhà nước. Theo khoản 8

¹ ICJ, 1950, tr. 65,74.

Điều 3 Luật Đầu tư 2020 quy định đầu tư kinh doanh là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh. Hoạt động đầu tư có những đặc điểm chính sau đây:

Thứ nhất, trước hết phải có vốn. Vốn có thể bằng tiền, bằng các loại tài sản khác như máy móc thiết bị, nhà xưởng, công trình xây dựng khác, giá trị quyền sở hữu công nghiệp, bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ, dịch vụ kỹ thuật, giá trị quyền sử dụng đất, mặt nước, mặt biển, các nguồn tài nguyên khác. Vốn có thể là nguồn vốn Nhà nước, vốn tư nhân, vốn góp, vốn cổ phần, vốn vay dài hạn, trung hạn, ngắn hạn.

Thứ hai, thời gian tương đối dài, thường từ 2 năm trở lên, có thể đến 50 năm, nhưng tối đa cũng không quá 70 năm. Những hoạt động ngắn hạn trong vòng một năm tài chính không được gọi là đầu tư. Thời hạn đầu tư được ghi rõ trong quyết định đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư.

Thứ ba, lợi ích do đầu tư mang lại được biểu hiện trên hai mặt, lợi ích tài chính (biểu hiện qua lợi nhuận) và lợi ích kinh tế xã hội (biểu hiện qua chỉ tiêu kinh tế xã hội). Lợi ích kinh tế xã hội thường được gọi tắt là lợi ích kinh tế. Lợi ích tài chính ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của chủ đầu tư, còn gọi lợi ích kinh tế ảnh hưởng đến quyền lợi của xã hội, của cộng đồng.

Trong phạm vi nghiên cứu, đề án chỉ xem xét đến tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Nhà nước tiếp nhận đầu tư trong quan hệ về đầu tư quốc tế. Từ định nghĩa về tranh chấp, khái quát được tranh chấp đầu tư quốc tế chính là sự bất đồng, mâu thuẫn về quyền lợi hoặc nghĩa vụ giữa các chủ thể là nhà đầu tư nước ngoài và Nhà nước tiếp nhận đầu tư trong quan hệ đầu tư. Để hiểu rõ khái niệm tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Nhà nước tiếp nhận đầu tư, cần hiểu được hai khái niệm là nhà đầu tư nước ngoài và Nhà nước tiếp nhận đầu tư. Nhà nước tiếp nhận đầu tư hay quốc gia tiếp nhận đầu tư là thuật ngữ không được định nghĩa trong các hiệp định đầu tư. Tuy vậy, xét từ góc độ “nhà

đầu tư nước ngoài”, Nhà nước tiếp nhận đầu tư chính là quốc gia cho phép nhà đầu tư nước ngoài có các hoạt động đầu tư diễn ra trên phạm vi lãnh thổ quốc gia đó. Trong các IIA, Nhà nước tiếp nhận đầu tư được hiểu là một bên ký kết trong mối quan hệ với nhà đầu tư của bên ký kết khác. Nhà đầu tư hiểu theo một cách khái quát là người tiến hành các hoạt động đầu tư nhằm mục đích sinh lợi. Nhà đầu tư bao gồm thể nhân (cá nhân) và pháp nhân (doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, v.v..) có hoạt động đầu tư. Xét theo mục đích bảo hộ của các hiệp định đầu tư, có hai vấn đề cần phải xem xét khi định nghĩa thuật ngữ này, đó là tiêu chí để nhận định một thể nhân hay pháp nhân là nhà đầu tư và căn cứ để quyết định một nhà đầu tư là nhà đầu tư nước ngoài. Về tiêu chí để nhận định một thể nhân hay pháp nhân là nhà đầu tư, các hiệp định đầu tư xác định vấn đề này qua việc định nghĩa cụ thể như thế nào là “hoạt động đầu tư”. Thông qua việc làm rõ khái niệm “đầu tư”, tiêu chí nhận biết “nhà đầu tư” trong một vụ tranh chấp sẽ được cụ thể hóa tùy thuộc vào hiệp định đầu tư của các quốc gia ký kết.

Quan hệ đầu tư trực tiếp nước ngoài không chỉ phát sinh giữa các chủ thể là nhà đầu tư nước ngoài với các loại hình doanh nghiệp trong nước từ hoạt động đầu tư trực tiếp mà còn phát sinh trong quá trình quản lý nhà nước về đầu tư giữa nhà đầu tư nước ngoài với các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư. Chính vì vậy, tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực đầu tư có thể là tranh chấp kinh doanh, thương mại nếu chủ thể là các tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh hoặc tranh chấp trong lĩnh vực hành chính nếu một bên chủ thể là cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư trong quá trình thực hiện hoạt động quản lý như cấp giấy chứng nhận dự án đầu tư, điều chỉnh, thay đổi dự án đầu tư... Từ phân tích trên có thể đưa ra khái niệm tranh chấp trong lĩnh vực đầu tư như sau: Tranh chấp trong lĩnh vực đầu tư là những mâu thuẫn, bất đồng về quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư trong quan hệ đầu tư.

Bản chất của hoạt động đầu tư nói chung và hoạt động đầu tư nước ngoài nói riêng nhằm những mục đích khác nhau đối với từng chủ thể, tuy nhiên đối với cả nhà đầu tư nước ngoài hay nhà nước tiếp nhận đầu tư suy cho cùng thì cũng đều là lợi ích về mặt kinh tế. Những lợi ích về mặt kinh tế này cũng thường là nguyên nhân làm nảy sinh ra các tranh chấp. Khi những tranh chấp đầu tư xuất hiện thì hoạt động đầu tư kinh doanh của các chủ thể sẽ bị ảnh hưởng, các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên cũng không được đảm bảo. Do vậy, một nhu cầu tất yếu được đặt ra là phải giải quyết các tranh chấp đó để tạo điều kiện cho các hoạt động đầu tư được diễn ra bình thường, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong quan hệ đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư là phương thức giúp giải quyết các tranh chấp về quyền, lợi ích và nghĩa vụ hợp pháp phát sinh giữa các chủ thể khi tham gia đầu tư vốn để thực hiện hoạt động kinh doanh bằng việc thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư.

Giải quyết tranh chấp trong đầu tư tức là làm chấm dứt những xung đột, xóa bỏ những mâu thuẫn đang tồn tại giữa các chủ thể đó. Tiếp cận dưới góc độ đó, chúng ta có thể hiểu về giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư như sau: “Giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư là việc sử dụng các biện pháp cần thiết nhằm chấm dứt những xung đột, mâu thuẫn và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp”. Trên cơ sở cách hiểu nêu trên về giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư, có thể thấy, mục đích cuối cùng của việc giải quyết tranh chấp chính là chấm dứt xung đột.

Qua phân tích ở trên, tác giả đề án đưa ra khái niệm về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như sau: Khái niệm về giải quyết tranh chấp đầu tư trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đề cập đến các cơ chế và quy trình pháp lý được thiết kế để xử lý những bất

đồng hoặc tranh chấp phát sinh giữa nhà đầu tư và quốc gia chủ nhà. Các hiệp định này thường bao gồm các điều khoản cụ thể về cách thức và thủ tục giải quyết tranh chấp, nhằm đảm bảo rằng các nhà đầu tư quốc tế được bảo vệ và các tranh chấp được giải quyết một cách công bằng và hiệu quả. Những cơ chế này trong các FTA thế hệ mới không chỉ thúc đẩy đầu tư và thương mại quốc tế mà còn cố gắng tạo ra một khuôn khổ pháp lý mạnh mẽ và công bằng để xử lý các tranh chấp, đồng thời bảo vệ quyền lợi của cả nhà đầu tư và quốc gia chủ nhà.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

Giải quyết tranh chấp nói chung và tranh chấp trong lĩnh vực đầu tư nói riêng là việc các bên tranh chấp thông qua việc giải quyết nhất định nào đó nhằm chấm dứt xung đột, mâu thuẫn để bảo vệ hoặc khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tranh chấp trong lĩnh vực đầu tư có thể được giải quyết bằng nhiều phương thức khác nhau tùy thuộc vào sự lựa chọn của các bên đương sự, các bên có thể giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng, hoà giải, trọng tài hoặc toà án.

Pháp luật giải quyết tranh chấp đầu tư không chỉ gọi gọn trong phạm vi hệ thống pháp luật quốc gia. Nội hàm của nó bao gồm:

i) Hệ thống pháp luật giải quyết tranh chấp đầu tư có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động đầu tư trong và ngoài nước;

ii) Các điều ước quốc tế, gồm các điều ước quốc tế thương mại song phương, đa phương tạo nền tảng pháp lý cho các hoạt động đầu tư giữa các nhà đầu tư của các quốc gia thành viên điều ước;

Theo khoản 8 Điều 3 Luật Đầu tư 2020 quy định đầu tư kinh doanh là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, trong hoạt động đầu tư kinh doanh giữa các bên cũng khó có thể tránh được việc xảy ra các tranh chấp.

Pháp luật giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm pháp luật điều chỉnh giải quyết tranh chấp phát sinh từ các quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ đầu tư song phương. Bao gồm các chủ thể là các bên trong quan hệ đầu tư quốc tế, nhà đầu tư nước ngoài và chính phủ nước tiếp nhận đầu tư.

Đặc điểm pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư trong các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) thế hệ mới:

Một là, cơ chế Trọng tài Đầu tư Nhà nước - Nhà đầu tư (ISDS). Đây là một cơ chế quan trọng, cho phép các nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện chính phủ nước chủ nhà thông qua trọng tài quốc tế nếu họ cảm thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm. Điều này cung cấp một cách thức độc lập và quốc tế để xử lý tranh chấp, thay vì chỉ dựa vào hệ thống tư pháp nội bộ của quốc gia chủ nhà. Có một xu hướng cải cách ISDS, nhằm giải quyết các lo ngại về tính công bằng và cân nhắc giữa quyền lợi của nhà đầu tư và quốc gia chủ nhà.

Hai là, tiêu chuẩn bảo vệ nhà đầu tư cao hơn. Các FTA thế hệ mới thường đưa ra các tiêu chuẩn bảo vệ nhà đầu tư cao hơn, bao gồm bảo vệ chống lại việc tịch thu tài sản mà không có đền bù thích đáng, đảm bảo đối xử công bằng và không phân biệt đối xử. Nhấn mạnh vào việc tăng cường minh bạch trong các thủ tục giải quyết tranh chấp và mở cửa quyền tiếp cận thông tin cho công chúng, như công bố các quyết định của tòa án trọng tài.

Ba là, tôn trọng pháp luật nội bộ. Trong một số trường hợp, các FTA yêu cầu nhà đầu tư sử dụng các biện pháp giải quyết tranh chấp nội bộ của quốc gia trước khi tìm kiếm sự can thiệp từ cơ chế quốc tế. Các FTA mới có xu hướng tích hợp các quy định về bảo vệ môi trường và quyền của cộng đồng địa phương, đảm bảo rằng các quyền này không bị xem nhẹ trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Trong một số trường hợp, các bên liên quan không phải là nhà đầu tư hoặc quốc gia chủ nhà, như các tổ chức phi chính phủ hoặc cộng đồng địa phương, cũng có thể được tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp. Thỏa thuận cải tiến cơ chế giải quyết tranh chấp: Nhiều FTA mới bao gồm các điều khoản cho phép các quốc gia tham gia cải tiến cơ chế giải quyết tranh chấp, nhằm phản ánh sự thay đổi trong chuẩn mực quốc tế và áp dụng các thực tiễn tốt nhất. Những đặc điểm này phản ánh sự thay đổi trong cách tiếp cận giải quyết tranh chấp đầu tư, với mục tiêu tạo ra một môi trường đầu tư công bằng, minh bạch và trách nhiệm hơn.

Trong quá trình toàn cầu hóa, các điều ước quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế và cơ chế pháp lý cho hoạt động đầu tư. Các hiệp định thương mại đa phương của WTO, các hiệp định tự do thương mại khu vực, hiệp định bảo hộ đầu tư tạo ra những nền tảng quan trọng cho các hoạt động đầu tư. Quốc gia khi tham gia vào các điều ước quốc tế sẽ bị ràng buộc với các nguyên tắc, quy phạm của điều ước quốc tế liên quan và có trách nhiệm bảo đảm pháp luật của mình tương thích với các quy định của điều ước quốc tế mà họ đã tham gia.

1.1.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

Giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài nói chung và tranh chấp giữa Nhà nước tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài nói riêng là việc các bên tranh chấp thông qua việc giải quyết nhất định nào đó nhằm chấm dứt xung đột, mâu thuẫn để bảo vệ hoặc khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tranh chấp giữa Nhà nước tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài cũng như trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài có thể được giải quyết bằng nhiều phương thức khác nhau tùy thuộc vào sự lựa chọn của các bên đương sự, các bên có thể giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng, hoà giải, trọng tài

hoặc toà án. Tuy nhiên, với những đặc trưng riêng của mình, tranh chấp trong hoạt động đầu tư giữa Nhà nước tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư nước ngoài còn có một phương thức riêng biệt là phương thức bảo hộ ngoại giao.

Việc các quốc gia có thẩm quyền đứng ra bảo vệ công dân của nước mình trong các vụ tranh chấp giữa nhà đầu tư là công dân của họ với nhà nước hay quốc gia khác là một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế. Tuy nhiên, ý chí của nhà nước của nhà đầu tư có vai trò quan trọng trong việc thực hiện bảo hộ ngoại giao. Pháp luật quốc tế coi bảo hộ ngoại giao là quyền của nhà nước chứ không phải là nghĩa vụ. Điều đó có nghĩa là việc nhà đầu tư có được bảo hộ hay không hoàn toàn phụ thuộc vào ý muốn của nhà nước mình. Đôi khi, chính phủ của nước của nhà đầu tư chỉ tiếp nhận một phần yêu cầu hoặc từ chối yêu cầu của nhà đầu tư, tùy theo nhiều yếu tố như chính sách ngoại giao, tương quan lực lượng... Trong những trường hợp như vậy, quyền lợi của nhà đầu tư sẽ không được bảo vệ đầy đủ.

Hơn nữa, việc khiếu nại của nhà nước của nhà đầu tư đối với nhà nước hay quốc gia tiếp nhận đầu tư phải tuân thủ những quy tắc của luật pháp quốc tế, đặc biệt là quy tắc xác định quốc tịch của nhà đầu tư. Thông thường, việc xác định quốc tịch của nhà đầu tư là thể nhân trong các hiệp định đầu tư thường dẫn chiếu đến luật quốc gia của các bên ký kết. Các nhà nước có thể tự do lựa chọn các phương tiện cũng như biện pháp khác nhau để bảo vệ ngoại giao. Họ có thể sử dụng những biện pháp không chính thức miễn là chúng được coi là sự trả đũa hợp lý, hoặc có cũng có thể sử dụng bất cứ phương thức hợp pháp nào, cho dù nó mang tính thiếu thiện chí hay không. Theo đó, nội dung pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và chính phủ Việt Nam theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới bao gồm quy định về các cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và chính phủ Việt Nam như sau:

Thứ nhất, Quy định về giải quyết tranh chấp đầu tư theo Hiệp định EVFTA. EVFTA thiết lập một cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư thông qua trọng tài. Điều này bao gồm việc sử dụng các trung tâm trọng tài quốc tế như ICSID (Trung tâm Quốc tế về Giải quyết Tranh chấp Đầu tư) hoặc theo quy tắc của UNCITRAL (Ủy ban Liên Hiệp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế). Hiệp định bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư bằng cách đảm bảo sự công bằng và bình đẳng trong xử lý các vấn đề liên quan đến đầu tư. Nó cũng bao gồm các quy định về không phân biệt đối xử và đối xử quốc gia tối thiểu. Các bên tranh chấp có thể chọn giải quyết qua trọng tài quốc tế thay vì thông qua các tòa án trong nước. Điều này giúp tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư quốc tế khi xảy ra tranh chấp. Các quy trình giải quyết tranh chấp theo EVFTA được yêu cầu phải minh bạch và công khai. Điều này bao gồm việc công bố các tài liệu liên quan đến vụ án và các quyết định của tòa án trọng tài. Ngoài ra, EVFTA cũng bao gồm cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các nhà nước, trong trường hợp có những bất đồng về cách hiểu hoặc áp dụng các điều khoản của hiệp định. Các quy định này tạo ra một khuôn khổ pháp lý rõ ràng và công bằng cho việc giải quyết các tranh chấp đầu tư, góp phần thúc đẩy môi trường đầu tư ổn định và minh bạch giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam.

Thứ hai, Quy định về giải quyết tranh chấp đầu tư trong Hiệp định CPTPP (Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương) được thiết kế để bảo vệ các nhà đầu tư và đảm bảo một môi trường công bằng và minh bạch cho việc giải quyết tranh chấp. CPTPP cho phép các nhà đầu tư của các quốc gia thành viên có thể khởi kiện một quốc gia khác thành viên nếu họ tin rằng quốc gia đó đã vi phạm quy định của hiệp định, ảnh hưởng đến đầu tư của họ. CPTPP yêu cầu các thủ tục giải quyết tranh chấp phải công bằng và minh bạch, với quy định về việc công khai các tài liệu và phiên điều trần. Hiệp định cũng nhấn mạnh đến việc bảo vệ các quyền lợi công cộng, như sức khỏe, an

toàn và môi trường, trong quá trình xem xét các tranh chấp đầu tư. Những quy định này đảm bảo một khung pháp lý rõ ràng và công bằng, giúp cả nhà đầu tư và các quốc gia thành viên của CPTPP có thể giải quyết các tranh chấp một cách hiệu quả và công bằng.

1.1.4. Vai trò của pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

Pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra một khuôn khổ pháp lý ổn định, minh bạch và dự đoán được, nhằm thúc đẩy đầu tư và bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư và đồng thời đảm bảo lợi ích của quốc gia đăng ký.

Thứ nhất, cung cấp khuôn khổ pháp lý rõ ràng. Các hiệp định thường quy định rõ ràng về quyền lợi và nghĩa vụ của cả hai bên; nhà đầu tư và quốc gia đăng ký. Điều này giúp giảm thiểu sự không chắc chắn và rủi ro cho các nhà đầu tư. Các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới thường chứa các quy định rất chi tiết và rõ ràng về quyền lợi và nghĩa vụ của cả hai bên. (nhà đầu tư và quốc gia đăng ký). Việc này giúp cung cấp một khuôn khổ pháp lý ổn định cho các nhà đầu tư, giảm thiểu sự không chắc chắn và các rủi ro tiềm ẩn mà họ có thể gặp phải. Các hiệp định thường bao gồm các quy định bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư khỏi việc phân biệt đối xử, đảm bảo rằng họ sẽ không bị đối xử kém cỏi so với các nhà đầu tư nội địa hoặc từ các quốc gia khác. Nhiều FTA thế hệ mới đề xuất cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và quốc gia đăng ký. Cơ chế này cung cấp một lối ra hợp lý và trung lập cho việc giải quyết mâu thuẫn, thay vì phải dựa vào hệ thống tư pháp của quốc gia đăng ký. Các quy định trong FTA giúp tạo ra một môi trường kinh doanh dự đoán và minh bạch. Những thông tin về quy định, luật lệ và chính sách được làm rõ, giúp nhà đầu tư hiểu rõ về kỳ vọng và nguyên tắc hoạt động tại quốc gia đăng ký. Các

FTA thế hệ mới thường mở rộng truy cập thị trường, giảm thuế và rào cản phi thuế, tạo ra cơ hội mới cho doanh nghiệp và nhà đầu tư. Ngoài các vấn đề thương mại truyền thống, các FTA thế hệ mới cũng thường tập trung vào việc nâng cao tiêu chuẩn về lao động, bảo vệ môi trường và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Tóm lại, các FTA thế hệ mới mang lại lợi ích to lớn cho cả nhà đầu tư và quốc gia đăng ký, giúp tăng cường quan hệ kinh tế, góp phần vào sự phát triển bền vững của cả hai bên.

Thứ hai, bảo vệ Nhà đầu tư. Các hiệp định thường bao gồm các quy định như việc bảo vệ nhà đầu tư khỏi việc tịch thu tài sản mà không có bồi thường, hay quy định về cách tính toán bồi thường. Các FTA thế hệ mới thường quy định rằng tài sản của nhà đầu tư không được tịch thu hoặc quy chế một cách không hợp pháp mà không có bồi thường công bằng, nhanh chóng và hiệu quả. Việc này nhằm bảo đảm rằng quyền sở hữu của nhà đầu tư được tôn trọng và không bị xâm phạm một cách không công bằng. Trong trường hợp tài sản của nhà đầu tư bị tịch thu hoặc quy chế, các FTA thường quy định cách tính toán bồi thường dựa trên giá trị thị trường hợp lý của tài sản đó trước khi biện pháp tịch thu hoặc quy chế được thông báo hoặc trở nên công khai và phổ biến.

Nhiều FTA thế hệ mới đề xuất cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và quốc gia đăng ký. Thông qua cơ chế này, nhà đầu tư có thể khởi kiện chính phủ nếu họ tin rằng họ đã bị vi phạm quyền lợi theo quy định của FTA. Những điều này đảm bảo rằng nhà đầu tư nước ngoài sẽ không bị đối xử kém cỏi so với nhà đầu tư nội địa hoặc nhà đầu tư từ bất kỳ quốc gia nào khác và sẽ được hưởng lợi từ các quyền và ưu đãi tương tự như nhà đầu tư nội địa. Những quy định này nhằm tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi và minh bạch, giảm thiểu rủi ro và bất ổn cho nhà đầu tư, và bảo đảm một khuôn khổ pháp lý rõ ràng và ổn định.

Thứ ba, giải quyết tranh chấp đầu tư. Các hiệp định thường chứa một phần về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và quốc gia đăng ký. Một số hiệp định thậm chí cung cấp cơ chế cho phép nhà đầu tư khởi kiện trực tiếp lên một tòa án quốc tế hoặc diễn đàn trọng tài. Nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) và hiệp định đầu tư thế hệ mới chứa các điều khoản về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và quốc gia đăng ký. Điều này gọi là "Cơ chế Giải quyết Tranh chấp Đầu tư giữa Nhà đầu tư và Nhà nước" (ISDS - Investor-State Dispute Settlement). ISDS là một hình thức độc lập giúp giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và quốc gia mà họ đầu tư vào.

Nếu một nhà đầu tư nghĩ rằng họ đã bị vi phạm quyền lợi dưới sự bảo vệ của một hiệp định, họ có thể đưa vụ việc lên một tòa án trọng tài quốc tế thay vì phải xử lý thông qua hệ thống tư pháp của quốc gia đó. Các tranh chấp có thể liên quan đến việc tịch thu tài sản mà không có bồi thường, vi phạm các nguyên tắc về phân biệt đối xử, hay các biện pháp đối xử không công bằng và không rõ ràng.

Nhiều hiệp định thế hệ mới yêu cầu các phiên tòa trọng tài được tiến hành một cách công khai và có sự tham gia của các bên quan tâm, giúp tăng cường tính minh bạch và công bằng trong quá trình giải quyết tranh chấp. Mặc dù ISDS bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, nó cũng tạo ra một số lo ngại về khả năng của Chính phủ đặt ra chính sách công trong lĩnh vực môi trường, sức khỏe và an ninh. Điều này đã dẫn đến việc cân nhắc cẩn trọng khi thiết lập và áp dụng ISDS trong các Hiệp định mới. Để đáp ứng các lo ngại và tăng cường sự cân bằng giữa bảo vệ nhà đầu tư và quyền lực quản lý của Chính phủ, một số hiệp định đã cải tiến và điều chỉnh cơ chế ISDS của mình, hoặc thậm chí thay thế bằng các cơ chế giải quyết tranh chấp khác.

Thứ tư, xúc tiến đầu tư. Các hiệp định thể hiện cam kết mở cửa thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư và tạo một môi trường kinh doanh ổn định,

thu hút đầu tư nước ngoài. Các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới thường không chỉ giới hạn ở việc giảm thuế và rào cản thương mại truyền thống, mà còn đi sâu vào việc tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư, bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư và đề ra các tiêu chuẩn cao hơn về môi trường, lao động và quyền sở hữu trí tuệ. Các hiệp định này thường quy định việc giảm hoặc loại bỏ thuế nhập khẩu, cắt giảm rào cản phi thuế và tăng cường truy cập vào thị trường dịch vụ. Bằng cách đảm bảo rằng nhà đầu tư nước ngoài sẽ không bị đối xử kém cỏi hơn so với nhà đầu tư nội địa, và bằng cách bảo vệ quyền lợi của họ khỏi việc tịch thu không công bằng hoặc không bồi thường, các hiệp định này giúp tăng cường sự tin tưởng và thu hút đầu tư nước ngoài. Việc có một khuôn khổ pháp lý rõ ràng và dự đoán được giúp doanh nghiệp có thể lập kế hoạch và đầu tư dài hạn mà không phải lo lắng về sự không chắc chắn hoặc thay đổi đột ngột trong chính sách.

Các hiệp định thế hệ mới thường đặt ra các tiêu chuẩn cao về các vấn đề như bảo vệ lao động, bảo vệ môi trường và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Điều này giúp đảm bảo rằng sự tăng trưởng kinh tế không đi kèm với chi phí về môi trường hoặc tiêu chuẩn lao động. Nhiều hiệp định còn thúc đẩy việc chia sẻ thông tin, hợp tác kỹ thuật và cải thiện minh bạch trong quyết định và chính sách của chính phủ.

Với những cam kết và quy định này, các FTA thế hệ mới đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy thương mại, đầu tư và phát triển bền vững trên toàn cầu.

1.2. Các yếu tố tác động đến việc thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

1.2.1. Yếu tố kinh tế

Yếu tố kinh tế có ảnh hưởng rõ ràng và sâu rộng đến việc thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ

mới. Quốc gia với lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn sẽ có động lực mạnh mẽ hơn để bảo đảm môi trường giải quyết tranh chấp đầu tư ổn định và minh bạch. Các nước với kích thước kinh tế lớn có khả năng tác động mạnh mẽ đến quá trình giải quyết tranh chấp, bởi vì họ có thể sử dụng sức mạnh kinh tế của mình như một công cụ tác động. Chi phí liên quan đến việc khởi kiện và tham gia vào các vụ kiện trọng tài có thể rất cao. Những nhà đầu tư nhỏ và vừa có thể không có đủ nguồn lực để tham gia vào quá trình này, dẫn đến việc họ ngần ngại khởi kiện. Nếu hai quốc gia có mối quan hệ kinh tế chặt chẽ, việc giải quyết tranh chấp có thể được thực hiện một cách nhẹ nhàng hơn, vì cả hai bên đều không muốn làm ảnh hưởng tới mối quan hệ kinh tế của họ.

Quốc gia muốn duy trì hình ảnh là một điểm đến đầu tư an toàn và hấp dẫn sẽ cố gắng thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về giải quyết tranh chấp đầu tư. Một quốc gia có thể sử dụng đòn bẩy kinh tế, như việc đình chỉ hoặc hạn chế quyền truy cập thị trường, như một cách để áp đặt quan điểm của mình trong các vụ tranh chấp. Quốc gia có thể cân nhắc tới kết quả kinh tế của một quyết định trọng tài, như việc bồi thường lớn hoặc ảnh hưởng tới quan hệ thương mại, trước khi quyết định thực thi hoặc phản đối một quyết định.

Nhìn chung, các yếu tố kinh tế chơi một vai trò quan trọng trong việc định hình và tác động đến quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

1.2.2. Yếu tố pháp luật, chính trị

Yếu tố pháp luật và chính trị đều tác động mạnh mẽ đến việc thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Sự ổn định, minh bạch và hiệu quả của hệ thống pháp luật quốc gia sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện các quy định giải quyết tranh chấp. Mọi sự không tương thích giữa pháp luật quốc gia và điều khoản của hiệp định có thể gây ra khó khăn trong việc thực hiện và giải quyết tranh chấp. Sự tiếp nhận và

thực hiện hiệp định phụ thuộc vào văn hóa pháp lý của mỗi quốc gia, bao gồm cả cách mà các vụ kiện được xử lý và cách mà các quyết định được thực thi.

Quốc gia với môi trường chính trị không ổn định hoặc thường xuyên có những biến đổi lớn có thể gặp khó khăn trong việc thực hiện các cam kết theo hiệp định. Một quốc gia có thể từ chối hoặc trì hoãn việc thực hiện một quyết định giải quyết tranh chấp nếu việc thực hiện đó có thể gây bất lợi cho lợi ích chính trị cục bộ hoặc nhóm lợi ích cụ thể. Các quốc gia có thể cảm thấy áp đặt hoặc bị áp đặt từ các quốc gia khác để tuân theo hoặc bỏ qua quyết định trọng tài. Mỗi quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia hoặc nhiều hơn có thể tác động đến quá trình giải quyết tranh chấp, nhất là khi các vấn đề ngoại giao khác liên quan.

Tóm lại, yếu tố pháp luật và chính trị đều có vai trò quan trọng và tác động sâu rộng đến quá trình thực hiện pháp luật và giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Đôi khi, sự tương tác giữa hai yếu tố này có thể tạo ra các thách thức và tình huống phức tạp.

1.2.3. Yếu tố xã hội

Sự hiểu biết và nhận thức của công chúng về các quy định và quyền lợi theo hiệp định có thể ảnh hưởng đến việc thực thi và tuân thủ chúng. Một dư luận công chúng mạnh mẽ có thể đặt áp lực lên chính phủ để thực thi một quyết định trọng tài hoặc tuân thủ một hiệp định cụ thể. Nếu văn hóa kinh doanh của một quốc gia không khuyến khích việc giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài hoặc các phương thức hợp pháp, có thể sẽ gặp khó khăn trong việc thực thi các quyết định trọng tài. Nếu xã hội không tin tưởng vào hệ thống pháp lý hoặc trọng tài quốc tế, việc thực thi các quyết định giải quyết tranh chấp sẽ trở nên khó khăn hơn.

Sự hiểu biết và chất lượng của chuyên gia pháp lý, trọng tài, và những người tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp đều phụ thuộc vào chất

lượng của hệ thống giáo dục và đào tạo. Các nhóm và tổ chức xã hội dân sự có thể đặt áp lực lên chính phủ hoặc doanh nghiệp để tuân thủ và thực thi các quyết định giải quyết tranh chấp, đặc biệt khi các quyết định đó liên quan đến các vấn đề như môi trường, quyền con người, hoặc quyền lợi của cộng đồng. Phương tiện truyền thông đóng vai trò quan trọng trong việc truyền đạt thông tin và tạo ra dư luận về các vấn đề liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư.

Những yếu tố xã hội này, khi kết hợp với yếu tố pháp lý, chính trị và kinh tế, tạo nên một bức tranh toàn cảnh về các thách thức và cơ hội liên quan đến việc thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Tiểu kết Chương 1

Trong bối cảnh toàn cầu hóa đương đại, các hoạt động đầu tư quốc tế không chỉ mở rộng về quy mô và phạm vi, mà còn trở nên phức tạp về tính chất. Điều này dẫn đến việc tranh chấp giữa Nhà nước tiếp nhận và nhà đầu tư nước ngoài ngày càng tăng. Để bảo vệ quyền lợi và duy trì mối quan hệ tốt đẹp, việc giải quyết tranh chấp một cách hiệu quả là vô cùng quan trọng.

Chương 1 Đề án tập trung vào các lý luận pháp luật liên quan đến tranh chấp và cách giải quyết chúng giữa Nhà nước tiếp nhận và nhà đầu tư nước ngoài. Dựa trên nghiên cứu, chúng ta nhận ra rằng tranh chấp đầu tư thường xuất phát từ sự khác biệt về quyền lợi hoặc trách nhiệm giữa các bên. Chương 2 Đề án dựa trên những nền tảng của pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam trong bối cảnh các hiệp định thương mại tự do hiện đại, đi sâu vào thực trạng và thực tiễn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết những tranh chấp này tại Việt Nam.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ THEO CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI Ở VIỆT NAM

2.1. Quy định của pháp luật hiện hành về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

2.1.1. Quy định về giải quyết tranh chấp đầu tư theo Hiệp định EVFTA

Hiệp định EVIPA được ký kết vào ngày 30/6/2019. Ban đầu, EVIPA nằm trong EVFTA, tuy nhiên vào tháng 9/2017, do phát sinh một số vấn đề liên quan đến thẩm quyền phê chuẩn các FTA của EU, EU đã chính thức đề nghị Việt Nam tách riêng nội dung bảo hộ đầu tư, và cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Nhà nước ra khỏi EVFTA thành một hiệp định riêng². Hiện tại, EVIPA vẫn chưa có hiệu lực. Để có hiệu lực, Hiệp định này phải được Nghị viện châu Âu và từng thành viên EU phê chuẩn.

Đặc điểm nổi bật nhất của EVIPA là Hiệp định này thiết lập một Tòa án gồm hai cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm. Các thành viên của hai cấp xét xử này sẽ đảm nhiệm vai trò như các thẩm phán trong nhiệm kỳ 04 năm và có thể được tái bổ nhiệm 01 lần; 5 trên tổng số 9 thành viên được bổ nhiệm từ thời điểm Hiệp định có hiệu lực sẽ có nhiệm kỳ 6 năm. Trong số đó, ba thành viên mang quốc tịch của một trong các nước thành viên EU, ba thành viên mang quốc tịch Việt Nam và ba thành viên mang quốc tịch của nước thứ ba, một trong số các thành viên được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng tài phán và một trong số các thành viên được bổ nhiệm là Phó Chủ tịch Hội đồng tài phán, thông qua bốc thăm ngẫu nhiên bởi Chủ tịch Ủy ban đầu tư. Ngoài ra, EVIPA cũng

² Bộ Công Thương, Cổng thông tin về Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA); http://evfta.moit.gov.vn/?page=overview&category_id=fb203c7b-54d6-4af7-85ca-c51f227881dd, truy cập ngày 17 tháng 9 năm 2023.

quy định, Hội đồng tài phán phúc thẩm xem xét lại các phán quyết tạm thời của Hội đồng tài phán thông qua thủ tục phúc thẩm; theo đó sẽ có 6 trọng tài viên, trong đó 2 trọng tài viên có quốc tịch một trong số nước thành viên EU, 2 trọng tài viên có quốc tịch Việt Nam, và 2 trọng tài viên có quốc tịch nước thứ ba.

Hiện tại, cơ chế này mới bắt đầu manh nha được sử dụng tại một số ít các hiệp định về đầu tư, chủ yếu là các hiệp định có sự tham gia đàm phán của EU.

Trên thực tế, cơ chế Tòa án hai cấp xét xử là không mới, đã từng được nhiều quốc gia lựa chọn giải quyết tranh chấp trong các điều ước quốc tế mà mình tham gia. Trong đó, phổ biến nhất là cơ chế giải quyết tranh chấp của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) hay các Hiệp định trong khuôn khổ ASEAN hay ASEAN. Tuy nhiên, điểm chung của cơ chế đó là chỉ giải quyết các khúc mắc, tranh chấp giữa Nhà nước với Nhà nước, với phạm vi liên quan đến thương mại hàng hóa, dịch vụ, mà không chuyên biệt cho tranh chấp giữa nhà đầu tư với Nhà nước trong lĩnh vực đầu tư. Do đó, việc EU có cách tiếp cận giải quyết tranh chấp đầu tư bằng Tòa án hai cấp xét xử là khá mới khi so sánh với các Hiệp định Bảo hộ đầu tư song phương (BIT) trước đây hay ngay cả CPTPP. EVIPA đánh dấu lần đầu tiên Việt Nam áp dụng phương thức giải quyết tranh chấp này trong một hiệp định bảo hộ đầu tư³. Không chỉ với Việt Nam, EU đã lựa chọn Tòa án hai cấp xét xử làm cơ chế giải quyết tranh chấp về đầu tư trong các hiệp định về đầu tư khác mà EU tham gia như Hiệp định Kinh tế và thương mại toàn diện EU và Canada (CETA), Hiệp định bảo vệ đầu tư giữa EU và Singapore (EUSIPA).

Về trình tự khởi kiện, giống như các phương thức giải quyết tranh chấp khác, để bắt đầu quá trình khởi kiện, trước hết, nhà đầu tư phải gửi yêu cầu tham vấn đến bên còn lại. Nếu tranh chấp không thể giải quyết bằng cách giải

³ Hoàng Phước, Lương Văn Lý, “*Thận trọng trong giải quyết tranh chấp theo EVIPA*”, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, <https://www.thesaigontimes.vn/301224/than-trong-trong-giai-quyet-tranh-chap-theo-evipa-.html>, truy cập ngày 23 tháng 9 năm 2023.

quyết tranh chấp thay thế ngoài tài phán như đàm phán hay hòa giải, trong vòng 06 tháng kể từ ngày nguyên đơn yêu cầu tiến hành các cuộc đàm phán giải quyết tranh chấp hoặc trong vòng 03 tháng kể từ ngày họ gửi thông báo dự định nộp hồ sơ khiếu kiện, Hội đồng tài phán sẽ được thành lập trong vòng 90 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ khiếu kiện và sẽ tiến hành tố tụng theo một thủ tục chặt chẽ về thời gian. Trong vòng 18 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ khiếu kiện, Hội đồng tài phán sẽ ban hành phán quyết tạm thời và thời hạn giải quyết khiếu nại dựa trên yêu cầu của bên tranh chấp sẽ không vượt quá 06 tháng. Theo đó, thời hạn thủ tục tố tụng trong EVIPA chỉ kéo dài khoảng 02 năm và không cho phép bất cứ sự trì hoãn nào đối với quá trình tố tụng nêu trên.

Về phương thức giải quyết tranh chấp thân thiện, Điều 3.4, 3.29 và 3.31 EVIPA quy định về phương thức giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hòa giải và khuyến khích việc đạt được thỏa thuận ngoài tố tụng. Cụ thể, Phụ lục 10 EVIPA quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp thông qua trung gian hòa giải⁴.

2.1.2. Quy định về giải quyết tranh chấp đầu tư theo Hiệp định CPTPP

CPTPP là một FTA thế hệ mới, gồm 11 nước thành viên là: Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mê-hi-cô, New Zealand, Peru, Singapore và Việt Nam. Hiệp định đã được ký kết ngày 08/3/2018, và chính thức có hiệu lực từ ngày 30/12/2018 đối với nhóm 6 nước đầu tiên hoàn tất thủ tục phê chuẩn Hiệp định gồm Mê-hi-cô, Nhật Bản, Singapore, New Zealand, Canada và Australia. Đối với Việt Nam, Hiệp định có hiệu lực từ ngày 14/01/2019⁵. Tính đến ngày 14/01/2021, Việt Nam đã trải qua 02 năm thực thi CPTPP.

⁴ Nguyễn Thị Nhung, “EVFTA, EVIPA và cơ chế giải quyết tranh chấp”, <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-phap-luat/evfta-evipa-va-co-che-giai-quyet-tranh-chap-318992.html>, truy cập ngày 18 tháng 09 năm 2023.

⁵ Bộ Công Thương, Công thông tin về Hiệp định Đối tác toàn diện và tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), http://cptpp.moit.gov.vn/?page=overview&category_id=9040e56c-c3f5-4592-9fe7-baa47f75a7c0, truy cập ngày 17 tháng 9 năm 2023.

CPTPP đưa ra các điều khoản và điều kiện để đảm bảo thủ tục đầu tư sẽ dễ dàng và minh bạch hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Chương 9 Hiệp định quy định cơ chế bảo vệ đầu tư nước ngoài vào các quốc gia CPTPP, đề cập cụ thể về giải quyết tranh chấp giữa các nhà đầu tư nước ngoài và các quốc gia tiếp nhận đầu tư. Trong trường hợp các tài sản được đầu tư bị quốc hữu hóa, CPTPP yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bồi thường tương đương với giá trị thị trường ngay trước khi việc quốc hữu hóa diễn ra.

Liên quan đến vấn đề giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và nước tiếp nhận đầu tư, CPTPP khuyến khích các bên nỗ lực giải quyết thông qua các biện pháp như tham vấn, đàm phán hoặc thông qua bên thứ ba. Trong trường hợp tham vấn không thành công, nhà đầu tư có thể đơn phương gửi yêu cầu ra trọng tài. Nhà đầu tư nước ngoài, với tư cách là bên khiếu nại, có thể chọn Tòa án để giải quyết tranh chấp. Khi thành lập ban hội thẩm, nhà đầu tư cũng có thể chọn một trong ba hội thẩm viên. Hơn nữa, họ có thể thương lượng để áp dụng những quy tắc có liên quan, và đưa ra hướng dẫn để đảm bảo các trọng tài viên độc lập và vô tư trong vụ việc của họ. Do đó, CPTPP tạo ra cho các nhà đầu tư nước ngoài nhiều thời gian và kênh hơn để bảo vệ khoản đầu tư của họ ở nước tiếp nhận đầu tư.

Tuy nhiên, có một số ngoại lệ nhất định áp dụng cho Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài sẽ mất quyền khởi kiện theo điều khoản giải quyết tranh chấp nếu nhà đầu tư nước ngoài tuân theo các thủ tục khiếu nại tại Tòa án Việt Nam. Lựa chọn giải quyết tại một Tòa án Việt Nam là cuối cùng và duy nhất, ngăn cản nhà đầu tư khởi kiện đến bất kỳ Trọng tài nào khác. Nếu các quy định của Tòa án có lợi cho nhà đầu tư, nhưng Việt Nam từ chối thực hiện, nhà đầu tư nước ngoài có thể khiếu nại nước sở tại của mình để yêu cầu đình chỉ lợi ích cho Việt Nam cho đến khi Việt Nam tuân thủ.

Theo các thỏa thuận song phương nhất định của CPTPP, có một số ngoại lệ đối với các cơ chế mà CPTPP đặt ra cho việc giải quyết tranh chấp. Ví dụ,

New Zealand và Việt Nam đồng ý không áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp đối với Chính phủ của mỗi quốc gia theo Mục B của Chương 9, trừ khi Chính phủ đồng ý đặc biệt đối với việc áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp đó. Thỏa thuận song phương này hạn chế một số quyền tự do đối với các nhà đầu tư khi gửi hồ sơ tranh chấp ra trọng tài. Trong trường hợp này, các nhà đầu tư từ New Zealand vẫn có thể sử dụng một cơ chế khác theo luật pháp Việt Nam hoặc các điều ước quốc tế khác mà Việt Nam và New Zealand đã ký kết.

Trong khuôn khổ CPTPP không thành lập cơ quan tài phán riêng mà sử dụng hệ thống cơ quan giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế hiện hành như: Tòa trọng tài thường trực (PCA), Phòng Thương mại quốc tế (ICC)... Về cơ bản, cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ CPTPP khá giống với cơ chế ISDS tại các Hiệp định đầu tư song phương (BIT). Các bên trong tranh chấp có thể lựa chọn một trong các quy tắc trọng tài sau: (i) Công ước năm 1965 về giải quyết tranh chấp về đầu tư giữa các quốc gia và công dân của các quốc gia khác nhau (ICSID) và quy tắc về thủ tục tố tụng trọng tài của ICSID.

Trường hợp này chỉ áp dụng khi cả bị đơn và quốc gia của nguyên đơn là thành viên của công ước ICSID; (ii) Cơ chế phụ trợ ICSID trong trường hợp bị đơn hoặc quốc gia của nguyên đơn là thành viên của công ước ICSID; (iii) Quy tắc trọng tài UNCITRAL; (iv) Thiết chế hoặc quy tắc trọng tài khác được các bên đồng ý lựa chọn.

Trường hợp tranh chấp không được giải quyết trong vòng 06 tháng kể từ ngày bị đơn nhận được yêu cầu tham vấn bằng văn bản, nguyên đơn có thể đệ trình vụ việc ra trọng tài. Trước khi đệ trình bất kỳ khiếu kiện nào ra trọng tài, ít nhất 90 ngày trước ngày đệ trình, nguyên đơn phải gửi cho bị đơn Thông báo bằng văn bản về ý định khởi kiện của mình (thông báo về ý định khởi kiện).

Trọng tài sẽ có “Thông báo trọng tài” gửi cho các bên để tiếp tục các thủ tục tố tụng khác. Hội đồng trọng tài sẽ được thành lập gồm 03 trọng tài do các

bên chỉ định. Hội đồng trọng tài sẽ tiến hành thủ tục tố tụng phù hợp với Quy tắc trọng tài, xem xét các bản đệ trình của các bên, cũng như thực hiện các phiên điều trần công khai.

Tuy nhiên, CPTPP cũng quy định một số ngoại lệ áp dụng cho Việt Nam. Trường hợp giữa các nước có các Thỏa thuận song phương trong CPTPP thì khi giải quyết tranh chấp đầu tư, các NĐT có thể áp dụng cơ chế khác. Ví dụ: Thỏa thuận giữa Việt Nam và NewZealand hạn chế một số quyền tự do của NĐT khi khởi kiện ra trọng tài. Cả hai nước đều đồng ý không áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp theo Mục B Chương 9, trừ khi Chính phủ đồng ý. Theo đó, NĐT có thể sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp khác theo Luật quốc gia đó hoặc theo các Điều ước quốc tế khác mà hai nước ký kết.

2.2. Đánh giá quy định của pháp luật hiện hành về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

2.2.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cải thiện tính minh bạch của việc giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà nước tiếp nhận đầu tư. Các quy định về việc công khai tất cả tài liệu bao gồm cả quyết định của tòa án và đệ trình của các bên nhưng phải đảm bảo tính phù hợp về bảo vệ tính bí mật thông tin. Cơ chế ISDS truyền thống bị xem là thiếu sự minh bạch vì giữ bí mật như một đặc tính của cơ chế trọng tài. Bên cạnh việc xét xử hạn chế thành phần tham gia, cơ chế ISDS truyền thống còn ít khi công bố công khai phán quyết. Việc công bố nội dung tranh chấp và phán quyết của trọng tài phải được sự chấp thuận của các bên tranh chấp.

Theo nguyên tắc này, tất cả các tài liệu trong quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư đều được công khai trên trang điện tử của Liên Hợp quốc. Các phiên điều trần cũng được thực hiện công khai cho các bên liên quan tham dự. Nguyên tắc này cũng phù hợp với xu hướng chung của thế giới và đã được đề

cập trong cơ chế giải quyết tranh chấp tại luật mẫu của UNCITRAL, Trung tâm giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Hiệp định EVFTA chứa đựng những tuyên bố minh thị. Các bên tái khẳng định quyền ban hành quy định trong phạm vi lãnh thổ của mình để đạt được các mục tiêu chính sách pháp lý như bảo vệ sức khỏe cộng đồng, an toàn, môi trường hoặc các chuẩn mực đạo đức xã hội, bảo vệ xã hội và người tiêu dung hoặc tăng cường và bảo vệ tính đa dạng văn hóa. Mặt khác, việc đối xử công bằng và hợp lý cũng như truat hữu gián tiếp được làm rõ để giới hạn việc giải thích chủ quan bởi các trọng tài, nên các trọng tài cần xem xét một cách kỹ lưỡng tránh “thiên vị nghiêm trọng” dẫn đến vi phạm quy định đối xử công bằng và hợp lý.

Hiệp định EVIPA đề cao việc nâng cao tính minh bạch trong thủ tục “tòa án đầu tư”. Mọi tài liệu được các bên đề trình sẽ phải được công bố công khai cho công chúng và toàn bộ phiên tòa xét xử của “tòa án đầu tư” sẽ phải được công khai ngoại trừ những phần phải bảo mật và phải được bảo vệ theo quy định của hiệp định.

Thứ hai, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đã xây dựng cơ chế cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế mới giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà nước tiếp nhận đầu tư. EVFTA cần giải quyết vấn đề tồn tại của cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế mới giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà nước tiếp nhận đầu tư bằng cách thiết lập một hệ thống ISDS đa dạng các biện pháp giải quyết tranh chấp và cơ chế tài phán thường trực. Để khắc phục được những vấn đề về cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế mới giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà nước tiếp nhận đầu tư truyền thống, EVFTA và EVIPA đã xây dựng cơ chế tài phán như tòa án chuyên trách. Cơ chế này đảm bảo i) tính hệ thống và ổn định; ii) tính minh bạch và dễ dự đoán; iii) sự độc lập của thành viên hội đồng xét xử và iv) thời gian cố định cho từng giai đoạn tranh chấp. Cơ

chế giải quyết tranh chấp thường trực và cố định gồm hai cấp xét xử: cấp sơ thẩm và phúc thẩm. Theo tác giả, cơ chế này được thể hiện như “một hệ thống tòa án đầu tư”. Theo đó, tòa án đầu tư theo EVFTA và EVIPA quy định rất cụ thể về các nguyên tắc điều chỉnh các quy tắc đối với thẩm phán. Trong EVIPA, thay vì sử dụng phương thức trọng tài, Hiệp định quy định cơ chế Tòa đầu tư thường trực, được tổ chức khá tương đồng với mô hình cơ quan giải quyết tranh chấp của Tổ chức Thương mại thế giới. Mô hình này gồm 2 cấp xét xử là sơ thẩm và phúc thẩm. Hội đồng xét xử gồm hai cơ quan là Hội đồng xét xử sơ thẩm và Hội đồng xét xử phúc thẩm và thành viên được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ. Mỗi vụ tranh chấp được xét xử bởi Hội đồng gồm các thành viên đến từ EU, Việt Nam và quốc gia thứ ba. Hội đồng xét xử phúc thẩm trong EVIPA có thể thay đổi hoặc đảo ngược phán quyết ban đầu của Hội đồng xét xử phúc thẩm khi thấy thay đổi đó là phù hợp và cần thiết.

Giá trị pháp lý đối với phán quyết của Hội đồng xét xử tương đương phán quyết của Tòa án trong nước, không thể rà soát, xem lại hoặc hủy bỏ trong EVIPA

Không giống với CPTPP và các cơ chế giải quyết tranh chấp khác vẫn cho phép khả năng sửa đổi, hủy bỏ phán quyết. Trong Hiệp định EVIPA, phán quyết cuối cùng yêu cầu các bên phải tuân thủ, không được kháng cáo, sửa đổi, bãi bỏ hay hủy bỏ. Hai bên cam kết sẽ phải thực hiện công nhận và cho thi hành phán quyết cuối cùng trên lãnh thổ quốc gia mình như bản án của Tòa án quốc gia.

Cụ thể quy định: i) độc lập, không có liên hệ, liên quan đến chính phủ; ii) không tham gia xem xét bất kỳ tranh chấp nào có thể tạo ra, trực tiếp hoặc gián tiếp, xung đột quyền lợi; iii) không thực hiện bất kỳ hướng dẫn nào từ các tổ chức hoặc chính phủ về các vấn đề liên quan đến tranh chấp.

Thứ ba, việc thực thi các quy định pháp luật về đầu tư, trong đó có Luật Đầu tư năm 2020 và các văn bản hướng dẫn cần phải được lưu ý, đảm bảo về

quy trình thủ tục cũng như tính minh bạch trong việc cấp, thu hồi và quản lý dự án đầu tư. Ngoài ra chúng ta cần thận trọng khi đưa ra các cam kết cụ thể với nhà đầu tư, cũng như xác định chính xác các biện pháp rơi vào “vùng ngoại lệ” để giải phóng nghĩa vụ khỏi khiếu kiện của nhà đầu tư... Cơ chế kiểm soát, giải quyết tranh chấp đầu tư được quy định chặt chẽ hơn so với cơ chế cũ, nhằm đảm bảo quyền lợi và sự cân bằng giữa các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp. Các quy định về quy trình, thủ tục, thời gian, phạm vi điều chỉnh, giải thích thuật ngữ và phương thức giải quyết tranh chấp được quy định chi tiết, cụ thể.

Trong từng phương thức giải quyết tranh chấp như thương lượng, hòa giải, tham vấn, trọng tài, Tòa đầu tư thường trực đều được quy định cụ thể về chủ thể, thời hạn, thời hiệu, yêu cầu hồ sơ, quy trình xử lý, thủ tục tiến hành. Mức độ chi tiết trong EVIPA và CPTPP thể hiện sự kế thừa và phát triển so với các cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư trước đó trong hệ thống pháp luật đầu tư quốc tế. Điều này góp phần tạo ra sự cân bằng tối đa giữa NĐT nước ngoài và nước tiếp nhận đầu tư, giúp giảm thiểu tối đa rủi ro pháp lý cho các bên. Tuy nhiên, chi tiết này cũng là thách thức cho các quốc gia tiếp nhận đầu tư, trong đó có Việt Nam. Để phòng ngừa việc NĐT lạm dụng quy định về giải quyết tranh chấp đầu tư, cũng như loại trừ những tranh chấp không có căn cứ thì các Hiệp định xác định chi tiết hơn “NĐT” thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định. Trong EVIPA cũng nghiêm cấm việc đồng thời lựa chọn các cơ chế tài phán khác nhau, hạn chế khởi kiện song song giữa tòa án trong nước và trọng tài quốc tế, cũng như quy định về cơ chế sàng lọc các khiếu kiện để đảm bảo thẩm quyền xử lý, loại bỏ những khiếu kiện vô căn cứ. Biện pháp hạn chế này cũng được thể hiện qua quy định về biện pháp bảo đảm chi phí dành cho tố tụng. Khác với quy tắc trọng tài UNCITRAL và Công ước ICSID, để hạn chế trường hợp NĐT không đủ năng lực tài chính chi trả phí trọng tài khi thua kiện, EVIPA

quy định cụ thể nghĩa vụ của nguyên đơn phải đảm bảo một phần hoặc toàn bộ chi phí nếu có nghi ngờ nguy cơ không đảm bảo chi phí. Sau khoản thời gian được yêu cầu, nếu khoản chi phí bảo đảm không được đóng thì Hội đồng xét xử có thể thông báo và ra lệnh hoãn hoặc hủy bỏ quy trình tố tụng.

2.2.2. Hạn chế, vướng mắc

Các quy định của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới thực sự là một vấn đề đáng quan tâm. Khi các điều khoản không được định rõ ràng, nó tạo ra một môi trường pháp lý không chắc chắn, ảnh hưởng đến cả nhà đầu tư và chính phủ của các quốc gia tham gia hiệp định.

Thứ nhất, khó khăn trong việc hiểu và áp dụng pháp luật. Khi pháp luật không rõ ràng, các bên liên quan có thể hiểu và áp dụng các quy định theo nhiều cách khác nhau. Điều này không chỉ gây khó khăn trong việc thực thi pháp luật mà còn có thể dẫn đến các quyết định trọng tài không nhất quán. Sự không chắc chắn pháp lý có thể làm giảm niềm tin của nhà đầu tư, đặc biệt là trong các lĩnh vực quan trọng hoặc nhạy cảm. Khi các nhà đầu tư không chắc chắn về cách các quy định sẽ được áp dụng, họ có thể ngần ngại đầu tư, gây ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và phát triển. Khi các quy định không rõ ràng, các bên liên quan, bao gồm cả nhà đầu tư và chính phủ, có thể hiểu và áp dụng chúng một cách khác nhau. Điều này gây ra khó khăn trong việc thực thi pháp luật, vì không có sự nhất quán về cách tiếp cận và giải thích pháp luật. Trong trường hợp của tranh chấp, điều này có thể dẫn đến các quyết định trọng tài không nhất quán và thiếu cơ sở pháp lý vững chắc. Sự không chắc chắn pháp lý có thể làm giảm lòng tin của nhà đầu tư, đặc biệt là trong các lĩnh vực quan trọng hoặc nhạy cảm. Nhà đầu tư cần một môi trường pháp lý ổn định và dự đoán được để đảm bảo rằng họ hiểu rõ các rủi ro và quyền lợi liên quan đến khoản đầu tư của mình. Khi nhà đầu tư không chắc chắn về cách các quy định sẽ được áp dụng, họ có thể ngần ngại trong việc đầu tư. Điều này có thể làm giảm đầu tư vào các lĩnh vực quan trọng và ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế và phát triển.

Thứ hai, thách thức trong giải quyết tranh chấp. Trong trường hợp có tranh chấp, sự mơ hồ của pháp luật có thể làm phức tạp quá trình giải quyết. Điều này không chỉ tăng thời gian và chi phí liên quan mà còn có thể dẫn đến những phán quyết không công bằng hoặc không phản ánh đúng ý định ban đầu của các bên khi ký kết hiệp định. Để giải quyết vấn đề này, các nhà lập pháp và đàm phán viên cần nỗ lực hơn nữa trong việc đảm bảo rằng các điều khoản của hiệp định được viết một cách rõ ràng và cụ thể. Điều này giúp giảm bớt sự không chắc chắn và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc giải quyết tranh chấp một cách hiệu quả. Bên cạnh việc cải thiện ngôn từ của hiệp định, việc tăng cường minh bạch và cung cấp đào tạo pháp lý cho các bên liên quan cũng là yếu tố quan trọng trong việc giải quyết vấn đề này. Khi các điều khoản của hiệp định không rõ ràng, việc giải quyết tranh chấp có thể trở nên phức tạp và kéo dài, dẫn đến việc tăng chi phí pháp lý và thời gian xử lý.

Tóm lại, sự không rõ ràng trong các quy định không chỉ ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên trong hiệp định mà còn gây rắc rối trong việc bảo vệ quyền lợi đó thông qua các cơ chế pháp lý hiện có. Một giải pháp toàn diện, kết hợp cả cải thiện ngôn ngữ pháp lý và nâng cao nhận thức pháp lý, có thể giúp giải quyết vấn đề này một cách hiệu quả.

Tiểu kết Chương 2

Cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư giữa Nhà nước Việt Nam và các nhà đầu tư quốc tế, dựa trên pháp luật Việt Nam và các hiệp định song phương giữa Việt Nam và các quốc gia khác, đã tạo ra một môi trường đầu tư thuận tiện tại Việt Nam. Điều này đồng thời cũng đảm bảo rằng mọi tranh chấp giữa các bên, nếu phát sinh, sẽ được giải quyết nhanh chóng và công bằng, phản ánh tinh thần hợp tác giữa các bên. Pháp luật liên quan đến việc giải quyết tranh chấp đầu tư chủ yếu tập trung vào việc bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư khi họ đầu tư tại quốc gia tiếp nhận, minh chứng cho thái độ tích cực của Nhà nước đối với nhà đầu tư.

Trong Chương 2 của Đề án nghiên cứu về thực trạng pháp luật liên quan đến việc giải quyết tranh chấp đầu tư tại Việt Nam và qua một số hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Chương 3 Đề án phân tích thực tiễn thực hiện pháp luật và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa pháp luật và tăng cường hiệu quả trong việc giải quyết tranh chấp đầu tư.

CHƯƠNG 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẦU TƯ THEO CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI Ở VIỆT NAM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN

3.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

3.1.1. *Thực tiễn tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam*

Theo thống kê, đến tháng 11/2022, Việt Nam đã và đang thực thi cam kết trong khuôn khổ 14 Hiệp định thương mại tự do (FTA) và 3 Thỏa thuận thương mại song phương. So với các cam kết đã ký trước đây, các FTA thế hệ mới không chỉ tập trung vào tự do hóa thương mại, mà còn quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (ISDS). Đặc biệt, cùng với xu hướng cải cách mạnh mẽ ISDS trên toàn cầu thì các FTA thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), cơ chế ISDS cũng được nghiên cứu cập nhật với nhiều điểm khác biệt. Điều này tác động nhiều hơn đến hoạt động phòng ngừa và giải quyết tranh chấp cho các quốc gia thành viên, bao gồm Việt Nam.

Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, Việt Nam đã đẩy mạnh việc ký kết các điều ước quốc tế song phương và đa phương về mở cửa thị trường cũng như tạo điều kiện cho nhà đầu tư (NĐT) nước ngoài đầu tư tại Việt Nam. Trong bối cảnh đó, Chính phủ/Nhà nước cũng đứng trước rủi ro tranh chấp, khiếu nại với NĐT nước ngoài phát sinh từ việc thực thi các điều ước quốc tế. Thực tế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế cũng cho thấy, số lượng tranh chấp đầu tư quốc tế có xu hướng tăng nhanh về số lượng và ngày càng phức tạp về nội dung.

Theo số liệu thống kê từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hiện có 140 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam, với 19/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế tại 63 tỉnh và thành phố. Lũy kế đến ngày 20/01/2022, cả nước có 34.642 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký gần 415,6 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư nước ngoài ước đạt trên 253,2 tỷ USD, bằng gần 61% tổng vốn đăng ký còn hiệu lực. Tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của NĐT nước ngoài đạt trên 2,1 tỷ USD, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2021; vốn thực hiện của dự án đầu tư nước ngoài ước đạt trên 1,61 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2021. Về giải quyết tranh chấp đầu tư, tính đến tháng 12/2021, có gần 20 vụ việc NĐT nước ngoài khởi kiện, thông báo ý định khởi kiện Chính phủ Việt Nam ra Trọng tài quốc tế. Đa phần các tranh chấp được giải quyết tại Trọng tài quốc tế theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Ủy ban của Liên Hợp quốc về Luật Thương mại quốc tế (UNCITRAL)⁶.

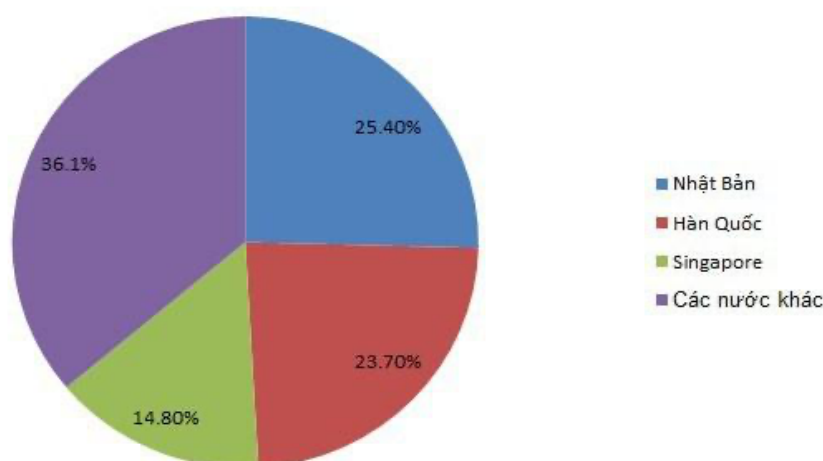
** Tình hình đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2022:*

Tính đến ngày 20/12/2022, Việt Nam có 2.591 dự án mới được cấp Giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký 21,27 tỷ USD, tăng 42,3% so với cùng kỳ năm 2016. Bên cạnh đó, cả nước có 1.188 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm xấp xỉ 8,41 tỷ USD, tăng 49,2% và 5.002 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn 6,19 tỷ USD, tăng 45,1% so với cùng kỳ năm 2016. Tính chung, tổng vốn FDI vào Việt Nam năm 2017 đạt 35,88 tỷ USD, tăng 44,4% so với năm 2020⁷.

⁶ Cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam trong khuôn khổ các FTA thế hệ mới <https://tapchitaichinh.vn/co-che-giai-quyet-tranh-chap-dau-tu-quoc-te-giua-nha-dau-tu-nuoc-ngoai-va-chinh-phu-viet-nam-trong-khuon-kho-cac-fta-the-he-moi.html> truy cập ngày 14/11/2023.

⁷ Cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam trong khuôn khổ các FTA thế hệ mới <https://tapchitaichinh.vn/co-che-giai-quyet-tranh-chap-dau-tu-quoc-te-giua-nha-dau-tu-nuoc-ngoai-va-chinh-phu-viet-nam-trong-khuon-kho-cac-fta-the-he-moi.html> truy cập ngày 14/11/2023.

Cùng với đó, trong năm 2022, nhà đầu tư nước ngoài đã rót vốn vào 19 ngành, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo là lĩnh vực thu hút được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài với 15,87 tỷ USD, chiếm 44,2% tổng vốn đăng ký. Lĩnh vực sản xuất, phân phối điện đứng thứ hai với 8,37 tỷ USD, chiếm 23,3% tổng vốn đầu tư đăng ký. Đứng thứ ba là lĩnh vực kinh doanh bất động sản với 3,05 tỷ USD, chiếm 8,5% tổng vốn đăng ký. Theo đối tác, có 115 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam, trong đó Nhật Bản đứng thứ nhất với tổng vốn đầu tư 9,11 tỷ USD, chiếm 25,4% tổng vốn đầu tư. Hàn Quốc đứng thứ hai với tổng vốn đăng ký 8,49 tỷ USD, chiếm 23,7% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam. Singapore đứng thứ ba với tổng vốn đăng ký 5,3 tỷ USD, chiếm 14,8% tổng vốn đầu tư⁸.



Hình 2.1. Tỷ trọng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam theo đối tác năm 2022⁹

Một số dự án lớn được cấp phép trong năm 2022:

- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện BOT Nghi Sơn 2, tổng vốn đầu tư 2,79 tỷ USD do nhà đầu tư Nhật Bản đầu tư tại Thanh Hoá với mục tiêu

⁸ Cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam trong khuôn khổ các FTA thế hệ mới <https://tapchitaichinh.vn/co-che-giai-quyet-tranh-chap-dau-tu-quoc-te-giua-nha-dau-tu-nuoc-ngoai-va-chinh-phu-viet-nam-trong-khuon-kho-cac-fta-the-he-moi.html> truy cập ngày 14/11/2023.

⁹ Châu Huy Quang (2021), Cơ chế Giải quyết tranh chấp đầu tư trong bối cảnh cải cách tư pháp và môi trường ở Việt Nam”, Nxb. Hồng Đức, tr89.

thiết kế, xây dựng, vận hành và chuyển giao một nhà máy nhiệt điện đốt than, công suất khoảng 1.200 MW.

- Dự án Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1, tổng vốn đầu tư đăng ký 2,58 tỷ USD do nhà đầu tư Nhật Bản đầu tư tại Khánh Hòa với mục tiêu thiết kế, xây dựng, vận hành và chuyển giao nhà máy nhiệt điện đốt than với công suất tinh 1.320MW.

- Dự án Samsung Display Việt Nam điều chỉnh tăng vốn đầu tư thêm 2,5 tỷ USD tại Bắc Ninh.

- Dự án nhà máy nhiệt điện BOT Nam Định 1, tổng vốn đầu tư 2,07 tỷ USD do nhà đầu tư Singapore đầu tư với mục tiêu thiết kế, xây dựng, vận hành và chuyển giao một nhà máy nhiệt điện đốt than, công suất thuần khoảng 1.109,4 MW.

- Dự án đường ống dẫn khí lô B - Ô Môn, tổng vốn đầu tư đăng ký 1,27 tỷ USD do nhà đầu tư Nhật Bản liên doanh với PVN và PVGAS Việt Nam đầu tư với mục tiêu xây dựng, vận hành đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn tại Kiên Giang.

- Dự án Khu phức hợp thông minh tại khu chức năng số 2A trong khu đô thị mới Thủ Thiêm, Quận 2, TP HCM, tổng vốn đầu tư đăng ký 885,85 triệu USD do Hàn Quốc đầu tư với mục tiêu kinh doanh bất động sản tại TP HCM.

** Tình hình đầu tư nước ngoài tại Việt Nam 5 tháng đầu năm 2022:*

Tính lũy kế đến ngày 20/5/2022, cả nước có 25.691 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký gần 323 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 179,12 tỷ USD, bằng 55,5% tổng vốn đăng ký còn hiệu lực¹⁹.

Theo lĩnh vực đầu tư: các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 19/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất với 198,13 tỷ USD, chiếm

57,9% tổng vốn đầu tư, tiếp theo là các lĩnh vực kinh doanh bất động sản với 51,84 tỷ USD (chiếm 16,1% tổng vốn đầu tư), sản xuất, phân phối điện, khí nước với 21,71 tỷ USD (chiếm 6,7% tổng vốn đầu tư).

Theo đối tác đầu tư: đã có 127 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam, trong đó đứng đầu là Hàn Quốc với tổng vốn đăng ký 59,46 tỷ USD (chiếm 18,4% tổng vốn đầu tư). Nhật Bản đứng thứ hai với 50,6 tỷ USD (chiếm 15,7% tổng vốn đầu tư), tiếp theo lần lượt là Singapore và Đài Loan, Britishvirgin Islands, Hồng Kông.

Theo địa bàn đầu tư: đầu tư nước ngoài đã có mặt ở tất cả 63 tỉnh, thành phố trong cả nước, trong đó thành phố Hồ Chí Minh vẫn là địa phương dẫn đầu trong thu hút FDI với 45,52 tỷ USD (chiếm 14,1% tổng vốn đầu tư), tiếp theo là Bình Dương với 30,8 tỷ USD (chiếm 9,5% tổng vốn đầu tư), Hà Nội với 27,85 tỷ USD (chiếm 8,6% tổng vốn đầu tư). Tuy nhiên, nhìn vào những con số trên thì có thể thấy được cơ cấu các dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong thời gian qua thay đổi vẫn còn chậm. Phần lớn các dự án đầu tư tập trung ở các đô thị lớn và các khu công nghiệp tập trung, đó là những nơi có điều kiện hạ tầng cơ sở thuận lợi, nguồn lao động dồi dào và có trình độ, kỹ năng tốt. Chỉ riêng các tỉnh thành như Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu, Hà Nội, Đồng Nai, Bình Dương đã chiếm tới 53,2% tổng vốn FDI đăng ký của cả nước. Các tỉnh thành còn lại chỉ chiếm 46,8% tổng vốn FDI đăng ký. Chính điều này đã làm gia tăng thêm khoảng cách vùng miền về trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Đối với các ngành nghề thì các nhà đầu tư nước ngoài hầu như chỉ đầu tư vào các ngành có khả năng sinh lời cao, rủi ro thấp. Ví dụ như lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút vốn FDI nhiều nhất rồi đến lĩnh vực kinh doanh bất động sản và xây dựng. Trong khi đó, các nhóm ngành như công nghệ cao, nông nghiệp thì các nhà đầu tư nước ngoài không quan tâm nhiều. Chính vì vậy mà tranh chấp giữa Nhà nước Việt Nam với các nhà đầu tư nước ngoài chủ yếu

nảy sinh trong các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, kinh doanh bất động sản và xây dựng¹⁰.

Một số dự án lớn được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong 4 tháng đầu năm 2022 là:

- Dự án Nidec Shimpo Việt Nam (Nhật Bản), tổng vốn đầu tư 200 triệu USD với mục tiêu phát triển, sản xuất, kinh doanh máy giảm tốc cỡ nhỏ có độ chính xác cao tại Hà Nội.

- Dự án Nidec Techno Motor Việt Nam (Nhật Bản), tổng vốn đầu tư 200 triệu USD với mục tiêu phát triển, sản xuất và kinh doanh mô-tơ điện một chiều không chổi than tại Hà Nội.

- Dự án nhà máy điện gió Hanbaram, cấp phép ngày 7/2/2022, tổng vốn đầu tư 150 triệu USD do Singapore đầu tư tại Ninh Thuận với mục tiêu sản xuất điện từ năng lượng tái tạo¹¹.

Cùng với thu hút đầu tư nước ngoài, hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, tranh chấp giữa Nhà nước Việt Nam – Nhà nước tiếp nhận đầu tư và các nhà đầu tư nước ngoài ngày càng gia tăng về số lượng cũng như tính chất phức tạp của các vụ việc do sự bùng nổ về các hiệp định cam kết bảo hộ đầu tư song phương và đa phương hoặc những hiệp định tự do thương mại có chứa đựng các cam kết bảo hộ đầu tư giữa các quốc gia trên thế giới. Trong bối cảnh Việt Nam tham gia rất nhiều FTA và BIT, một mặt mở ra nhiều cơ hội kinh doanh cho các tổ chức cá nhân trong nước, thúc đẩy Chính phủ tiến hành cải cách thể chế kinh doanh, đáp ứng các chuẩn mực quốc tế nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, mặt khác, cũng bộc lộ những thách thức mà Chính phủ Việt Nam đang phải đối mặt, như phải chấp nhận những quy tắc giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế vượt ra khỏi chủ quyền quốc gia, những hậu quả pháp

¹⁰ Châu Huy Quang (2021), Cơ chế Giải quyết tranh chấp đầu tư trong bối cảnh cải cách tư pháp và môi trường ở Việt Nam”, Nxb. Hồng Đức, tr77.

¹¹ <https://www.mpi.gov.vn/Pages/default.aspx>

lý và thực tế bất lợi... Do đó, việc nghiên cứu thực trạng giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài là điều cần thiết nhằm tìm ra các giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài trong bối cảnh hiện nay.

Các cam kết về bảo hộ đầu tư trong EVIPA được xây dựng một cách chi tiết hơn các hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư song phương mà Việt Nam đã ký với các quốc gia thành viên EU, có tiêu chí rõ ràng đối với từng nghĩa vụ. EVIPA có quy định riêng ghi nhận quyền điều tiết chính sách của nước tiếp nhận đầu tư, theo đó các bên khẳng định quyền quản lý trong lãnh thổ của mình để đạt được mục tiêu chính sách như bảo vệ sức khỏe cộng đồng, an toàn, môi trường hoặc đạo đức công cộng, bảo vệ xã hội hoặc người tiêu dùng, hoặc xúc tiến và bảo vệ đa dạng văn hóa.

Những quy định này góp phần đảm bảo nội dung Hiệp định EVIPA được hiểu và áp dụng một cách nhất quán, ngăn ngừa tranh chấp xảy ra và trong trường hợp phát sinh tranh chấp đầu tư, đảm bảo cơ quan giải quyết tranh chấp áp dụng các quy định này một cách minh bạch, nhất quán, phù hợp với với ý định của Việt Nam và EU khi đàm phán Hiệp định.

Việc giải quyết tranh chấp của Hiệp định EVIPA cũng được quy định một cách chi tiết, rõ ràng, với quy trình thủ tục chặt chẽ, có nhiều cơ chế góp phần hạn chế và ngăn ngừa tranh chấp như cơ chế thương lượng bắt buộc trước khi khởi kiện, cơ chế hòa giải và thi hành thỏa thuận hòa giải, không thụ lý đơn kiện của các nhà đầu tư thực hiện đầu tư thông qua hành vi gian dối, vi phạm pháp luật được; cơ chế xử lý các khiếu kiện vô căn cứ... Cơ quan giải quyết tranh chấp theo EVIPA là cơ quan thường trực với 2 cấp xét xử sẽ giúp các tranh chấp được giải quyết một cách công bằng hơn, độc lập, nhất quán, hạn chế sai sót.

Do đó, so với các hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư đã ký với các quốc gia thành viên EU, Hiệp định EVIPA có bước tiến đáng kể trong việc hạn

ché, ngăn ngừa và giải quyết một cách hiệu quả các tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư.

Hiệp định EVIPA giúp hỗ trợ sự phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong nước thông qua tác động lan tỏa, do EU là khu vực có trình độ công nghệ phát triển cao, FDI gia tăng từ EU có thể đem theo thiết bị công nghệ cao. Tuy nhiên, kết quả này phụ thuộc phần lớn vào chất lượng nguồn nhân lực và khả năng hấp thụ công nghệ của khu vực trong nước.

Cam kết tự do hóa đầu tư trực tiếp trong EVFTA và cam kết về bảo hộ đầu tư trong EVIPA giúp Việt Nam tiếp tục đổi mới cơ cấu kinh tế, hoàn thiện thể chế và môi trường kinh doanh ở Việt Nam, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư EU kinh doanh tại Việt Nam. Mức độ tự do hóa đầu tư của EU vào Việt Nam sẽ được tăng thêm, đặc biệt là trong một số ngành dịch vụ chuyên môn, dịch vụ tài chính, dịch vụ viễn thông, dịch vụ vận tải, dịch vụ phân phối. Điều này sẽ thúc đẩy dòng vốn FDI từ EU vào Việt Nam trong thời gian tới.

Theo số liệu của Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ, Bộ Công Thương, từ năm 2000 đến năm 2017, kim ngạch quan hệ thương mại Việt Nam – EU đã tăng hơn 13,7 lần, từ mức 4,1 tỷ USD năm 2000 lên 56,45 tỷ USD năm 2019; trong đó xuất khẩu của Việt Nam vào EU tăng 14,8 lần và nhập khẩu vào Việt Nam từ EU tăng hơn 11,4 lần (1,3 tỷ USD lên 14,90 tỷ USD¹²).

Theo kết quả khảo sát chỉ số môi trường kinh doanh quý III/2022 do Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham) vừa thực hiện đối với gần 200 doanh nghiệp của các nước châu Âu đang đầu tư, hoạt động sản xuất - kinh doanh tại Việt Nam, có tới 39% số doanh nghiệp dự định tăng đầu tư. Cụ thể, có gần 72% số doanh nghiệp tỏ ra khá lạc quan về môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Có tới 52% số doanh nghiệp dự định tăng số lượng lao động (trong

¹² <https://baodautu.vn/nha-dau-tu-chau-au-tin-tuong-do-von-vao-viet-nam-d53698.html> truy cập ngày 07/12/2023

đó, 16% cho biết sẽ tăng đáng kể trong tương lai gần). 41% doanh nghiệp có ý định duy trì mức độ đầu tư tại Việt Nam. Số lượng phản hồi dự định tăng đầu tư chiếm 39% và 17% số doanh nghiệp dự định tăng đáng kể mức đầu tư. Số lượng doanh nghiệp phản hồi thoái vốn rất giới hạn, chưa đến 1%, giảm đáng kể so với con số 7% của khảo sát trong quý trước đó¹³...

Năm 2022, EU có 2.375 dự án (tăng 182 dự án so với năm 2021) từ 27/28 quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu (EU) còn hiệu lực tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư đăng ký 25,49 tỷ USD (tăng 1,19 tỷ USD) chiếm 7,70% số dự án của cả nước và chiếm 7,03% tổng vốn đầu tư đăng ký của các nước. Trong đó, Hà Lan đứng đầu với 344 dự án và 10,05 tỷ USD, chiếm 39,43% tổng vốn đầu tư của EU tại Việt Nam (tăng 26 dự án và 692,76 triệu USD vốn đầu tư). Vương quốc Anh đứng thứ hai với 380 dự án và 3,72 tỷ USD tổng vốn đầu tư, chiếm 14,58% tổng vốn đầu tư (tăng 29 dự án và 210,10 triệu USD vốn đầu tư. Pháp đứng thứ ba với 563 dự án và 3,60 tỷ USD tổng vốn đầu tư, chiếm 14,13% tổng vốn đầu tư (tăng 23 dự án nhưng giảm 72,07 triệu USD vốn đầu tư¹⁴).

Một số tập đoàn lớn của EU đang hoạt động có hiệu quả tại Việt Nam như BP (Anh), Shell Group (Hà Lan), Total Elf Fina (Pháp Bỉ), Daimler Chrysler (Đức), Siemen, Alcatel Comvik (Thụy Điển). Xu thế đầu tư của EU chủ yếu vẫn tập trung vào các ngành công nghiệp công nghệ cao, tuy nhiên, gần đây có xu hướng phát triển tập trung hơn vào các ngành dịch vụ (bưu chính viễn thông, tài chính, văn phòng cho thuê, bán lẻ).

Về đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam sang EU, nhìn chung đầu tư Việt Nam sang EU là không nhiều, chủ yếu tập trung vào một số nước như Hà Lan, Séc, Đức. Việt Nam hiện có khoảng 78 dự án đầu tư sang 10 nước EU

¹³ Nhà đầu tư châu Âu tin tưởng đổ vốn vào Việt Nam <https://baodautu.vn/nha-dau-tu-chau-au-tin-tuong-do-von-vao-viet-nam-d53698.html> truy cập ngày 07/10/2023

¹⁴ Đầu tư của EU vào Việt Nam như thế nào?

<https://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/da-tu-cua-eu-vao-viet-nam-nhu-the-nao-318878.html> truy cập ngày 07/10/2023.

(Anh, Ba Lan, Bỉ, Bồ Đào Nha, Đức, Hà Lan, Pháp, CH Séc, Tây Ban Nha và Xlô-va-ki-a) với tổng vốn đăng ký đạt khoảng 320,20 triệu USD. Trong đó chủ yếu sang Đức với 29 dự án với tổng vốn đăng ký trị giá 120,3 triệu USD, sang Anh và Quần đảo Virgin thuộc Anh (20 dự án trị giá 144,5 triệu USD), sang Pháp (10 dự án trị giá 5,4 triệu USD), sang Xlô-va-ki-a (2 dự án trị giá 36,4 triệu USD)¹⁵.

3.1.2. Đánh giá thực tiễn thực hiện giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

3.1.2.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, tích hợp quy định quốc tế vào luật pháp quốc gia. Việt Nam đã thực hiện các bước nhằm hài hòa luật pháp nội địa với các cam kết trong các FTA thế hệ mới. Điều này bao gồm việc sửa đổi và ban hành các luật mới, nhằm đáp ứng các yêu cầu của các hiệp định như CPTPP và EVFTA. Việt Nam đã tiến hành sửa đổi nhiều luật hiện hành để đảm bảo phù hợp với các cam kết trong FTA. Điều này bao gồm cả việc cập nhật các quy định về bảo vệ sở hữu trí tuệ, lao động, môi trường, và đầu tư. Để đáp ứng các yêu cầu của các hiệp định, Việt Nam cũng đã ban hành một số luật mới. Điều này bao gồm các luật liên quan đến đầu tư nước ngoài, thương mại quốc tế, và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Trong quá trình sửa đổi và ban hành luật mới, Việt Nam đã tăng cường sự minh bạch và mở rộng cơ hội tham vấn với cộng đồng, bao gồm cả doanh nghiệp và các tổ chức xã hội dân sự, để đảm bảo rằng các quy định mới được công bố rộng rãi và nhận được sự đồng thuận xã hội. Việc thực hiện các cam kết quốc tế cũng đòi hỏi sự đào tạo và nâng cao năng lực cho cán bộ công chức, nhất là những người làm việc trong lĩnh vực thực thi pháp luật và giải quyết

¹⁵ Đầu tư của EU vào Việt Nam như thế nào?

<https://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/da-u-tu-cua-eu-vao-viet-nam-nhu-the-nao-318878.html> truy cập ngày 07/10/2023.

tranh chấp. Việt Nam cũng đã tăng cường hợp tác với các đối tác quốc tế, bao gồm cả các quốc gia thành viên trong FTA và các tổ chức quốc tế, nhằm học hỏi kinh nghiệm và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế hiệu quả. Việc hài hòa luật pháp nội địa với các cam kết trong các FTA thế hệ mới không chỉ giúp Việt Nam thực thi các hiệp định một cách hiệu quả mà còn góp phần nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Điều này cũng thúc đẩy môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thứ hai, năng lực giải quyết tranh chấp. Việt Nam đã nỗ lực nâng cao năng lực của các cơ quan nhà nước và hệ thống tư pháp trong việc giải quyết tranh chấp đầu tư. Tuy nhiên, vẫn cần có thêm cải thiện, đặc biệt là về kỹ năng và kiến thức chuyên môn liên quan đến các quy định quốc tế. Việt Nam đã thực hiện nhiều bước nhằm nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp đầu tư của các cơ quan nhà nước và hệ thống tư pháp. Điều này bao gồm việc cải thiện các quy trình, nâng cao kiến thức chuyên môn, và tăng cường kỹ năng cho các cán bộ liên quan. Các nỗ lực này phản ánh cam kết của Việt Nam trong việc tạo một môi trường đầu tư thuận lợi và minh bạch, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Mặc dù đã có những tiến bộ đáng kể, vẫn còn nhiều thách thức cần giải quyết. Một trong những điểm quan trọng cần cải thiện là việc tăng cường kỹ năng và kiến thức chuyên môn về các quy định và thủ tục quốc tế liên quan đến giải quyết tranh chấp đầu tư. Việc này không chỉ giúp tăng cường khả năng xử lý các vấn đề phức tạp mà còn giúp Việt Nam hội nhập tốt hơn vào hệ thống pháp lý quốc tế, từ đó tạo dựng niềm tin và thu hút đầu tư nước ngoài. Điều quan trọng là cần phải tiếp tục đầu tư vào đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cũng như cập nhật liên tục các chính sách và pháp luật để phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, qua đó nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp đầu tư.

Thứ ba, sự minh bạch và công bằng. Việt Nam đã đạt được tiến bộ trong việc tăng cường minh bạch và công bằng trong giải quyết tranh chấp đầu tư. Tuy nhiên, việc duy trì và cải thiện mức độ minh bạch vẫn là một thách thức. Việt Nam đã thực sự đạt được những bước tiến quan trọng trong việc cải thiện minh bạch và công bằng trong giải quyết tranh chấp đầu tư. Sự minh bạch, trong bối cảnh này, có nghĩa là việc cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng và dễ tiếp cận cho các bên liên quan, từ nhà đầu tư cho tới công chúng. Điều này không chỉ giúp nâng cao hiểu biết và lòng tin của nhà đầu tư đối với hệ thống pháp lý của Việt Nam, mà còn góp phần vào việc tạo ra một môi trường kinh doanh công bằng, nơi mà các quyết định được đưa ra dựa trên các tiêu chí khách quan và công bằng. Mặt khác, công bằng trong giải quyết tranh chấp đầu tư có nghĩa là đảm bảo rằng tất cả các bên liên quan đều được xử lý một cách công bằng và không thiên vị, với cơ hội bình đẳng để trình bày quan điểm và bảo vệ quyền lợi của mình. Điều này không chỉ giúp tạo dựng niềm tin trong cộng đồng quốc tế mà còn góp phần vào việc nâng cao chất lượng quyết định của các cơ quan giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, việc duy trì và cải thiện mức độ minh bạch và công bằng là một thách thức không nhỏ. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực liên tục từ phía chính phủ, cũng như sự tham gia và giám sát của các tổ chức xã hội dân sự, truyền thông và công chúng. Việc cập nhật các quy định pháp luật, tăng cường đào tạo và nâng cao năng lực cho các cơ quan giải quyết tranh chấp, cũng như việc tăng cường sự tương tác và thông tin giữa chính phủ và các bên liên quan, sẽ là những bước đi quan trọng trong việc đạt được mục tiêu này.

3.1.2.2. Những hạn chế, khó khăn

Hiệp định Thương mại tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) là hai hiệp định thương mại quan trọng mà Việt Nam đã tham gia.

Tuy nhiên, việc giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định này có thể gặp một số hạn chế và vướng mắc cơ chế như sau:

Thứ nhất, hạn chế chung trong thực tiễn thực hiện giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Một là, quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do yêu cầu nhiều thời gian và tài nguyên. Việc điều tra, lập biên bản, và tiến hành phiên tòa có thể kéo dài và đòi hỏi nhiều nguồn lực từ cả hai bên.

Hai là, chi phí cho việc tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư có thể đáng kể, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Một số tranh chấp đầu tư có thể không được bao gồm trong phạm vi của các hiệp định thương mại tự do, điều này có thể làm cho quá trình giải quyết chúng trở nên phức tạp và khó khăn hơn. Chi phí liên quan đến việc tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư thường rất cao. Điều này bao gồm chi phí pháp lý, chi phí cho các chuyên gia, và các chi phí khác. Đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, chi phí này có thể cực kỳ gây áp lực, thậm chí cản trở khả năng của họ trong việc theo đuổi hoặc bảo vệ quyền lợi của mình trong một tranh chấp.

Ba là, phạm vi của hiệp định. Một số tranh chấp đầu tư có thể không rơi vào phạm vi của các hiệp định thương mại tự do, làm cho việc giải quyết chúng trở nên càng phức tạp và khó khăn. Điều này có thể đòi hỏi việc tìm kiếm các phương thức giải quyết thay thế hoặc việc xử lý qua các hệ thống pháp lý khác nhau, tăng thêm sự không chắc chắn và khó khăn trong việc đạt được một giải pháp thỏa đáng.

Những hạn chế này đòi hỏi cả sự chuẩn bị kỹ lưỡng và sự hiểu biết sâu rộng về các quy định pháp lý, cũng như một chiến lược pháp lý và tài chính hợp lý. Đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, việc tìm kiếm sự hỗ trợ và tư vấn từ các chuyên gia pháp lý có kinh nghiệm trong lĩnh vực này có thể rất quan trọng.

Thứ hai, hạn chế, khó khăn trong thực tiễn thực hiện giải quyết tranh chấp đầu tư theo EVFTA.

Một là, quyền lựa chọn đầu tư. Trong EVFTA, việc cho phép các doanh nghiệp lựa chọn áp dụng các phần cụ thể của Hiệp định cho dự án của họ có thể tạo ra những thách thức riêng biệt. Một mặt, điều này tạo điều kiện linh hoạt cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn những điều khoản phù hợp nhất với mô hình và mục tiêu kinh doanh của họ. Tuy nhiên, mặt khác, điều này có thể dẫn đến những tranh chấp pháp lý liên quan đến việc áp dụng cụ thể các quyền và cam kết trong hiệp định. Những tranh chấp này có thể xuất phát từ sự không rõ ràng hoặc sự hiểu biết khác nhau về cách thức áp dụng các điều khoản.

Hai là, ngôn ngữ và văn bản pháp lý. Sự khác biệt ngôn ngữ trong các văn bản pháp lý của EVFTA, với sự tồn tại cả bản tiếng Anh và tiếng Việt, cũng có thể gây ra những khó khăn. Bất kỳ sự khác biệt nào trong việc diễn giải các điều khoản giữa hai ngôn ngữ có thể dẫn đến hiểu lầm và tranh chấp. Điều này đòi hỏi sự chú ý đặc biệt trong quá trình dịch và giải thích pháp lý để đảm bảo rằng cả hai phiên bản ngôn ngữ phản ánh một cách chính xác và nhất quán với nhau. Bên cạnh đó, EVFTA quy định về Ngôn ngữ và văn bản pháp lý. Văn bản pháp lý trong EVFTA được viết bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Sự khác biệt ngôn ngữ có thể dẫn đến hiểu lầm và tranh chấp về tinterpretng của các điều khoản.

Thứ ba, hạn chế, khó khăn trong thực tiễn thực hiện giải quyết tranh chấp đầu tư theo CPTPP. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức cho các quốc gia thành viên, đặc biệt là trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp đầu tư. Một số quốc gia trong CPTPP yêu cầu việc giải quyết tranh chấp đầu tư thông qua các cơ chế tiên quyết trước khi tiến hành áp dụng CPTPP. iệc này có thể kéo dài thời gian giải quyết và tăng cường độ phức tạp trong việc giải quyết

tranh chấp, ảnh hưởng đến doanh nghiệp và nhà đầu tư. CPTPP có sự đa dạng về quy định liên quan đến đầu tư, điều này có thể làm cho việc áp dụng và giải quyết tranh chấp trở nên phức tạp hơn do sự khác biệt trong quy tắc và quy định của từng quốc gia.

Các quốc gia thành viên của CPTPP có hệ thống pháp luật và quy định đầu tư khác nhau. Sự đa dạng này tạo ra một môi trường pháp lý phức tạp, khi mỗi quốc gia có các quy tắc và tiêu chuẩn riêng. Doanh nghiệp và nhà đầu tư cần phải hiểu và tuân thủ một loạt quy định khác nhau, điều này có thể tạo ra khó khăn trong việc thực hiện đầu tư và giải quyết các vấn đề phát sinh.

Để vượt qua các hạn chế và vướng mắc này, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên tham gia, cải thiện quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư, và đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong quá trình này. Điều quan trọng là cần có sự hiểu biết sâu rộng về các hiệp định thương mại tự do và cơ chế giải quyết tranh chấp để bảo vệ quyền và lợi ích của các bên liên quan.

3.1.2.3. Nguyên nhân

Thứ nhất, quá trình kéo dài và tài nguyên đòi hỏi. Quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do yêu cầu nhiều thời gian và tài nguyên. Điều tra, lập biên bản, và tiến hành phiên tòa có thể kéo dài, đặc biệt khi tranh chấp phức tạp. Điều này đòi hỏi sự đầu tư từ cả hai bên và có thể tạo áp lực về chi phí và thời gian. Sự đầu tư lớn về cả thời gian và tài chính có thể tạo áp lực nặng nề lên các bên tham gia, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc các quốc gia có nguồn lực hạn chế. Việc giải quyết tranh chấp đôi khi kéo dài nhiều tháng hoặc thậm chí nhiều năm, làm gia tăng chi phí pháp lý và gây xáo trộn đáng kể trong hoạt động kinh doanh bình thường. Do đó, cần có sự cân nhắc kỹ lưỡng và chuẩn bị trước khi bước vào quá trình giải quyết tranh chấp. Đối với các doanh nghiệp nhỏ, điều này có thể bao gồm việc tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính hoặc pháp lý từ các nguồn ngoài, hoặc cân nhắc việc thương lượng và giải quyết ngoài tòa án như một phương thức thay thế để giảm

thiếu chi phí và thời gian. Đối với các quốc gia và doanh nghiệp lớn, việc này đòi hỏi một kế hoạch quản lý rủi ro chi tiết và chiến lược pháp lý hiệu quả để đối phó với những tranh chấp có thể xảy ra.

Thứ hai, chi phí đầu tư trong việc giải quyết tranh chấp. Chi phí liên quan đến việc tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư có thể đáng kể, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các chi phí này bao gồm chi phí pháp lý, chi phí cho các chuyên gia, và các chi phí khác. Điều này có thể làm cho quá trình giải quyết tranh chấp trở nên khó khăn và áp lực đối với doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, những chi phí này có thể đáng kể và tạo ra áp lực tài chính nghiêm trọng. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến khả năng của họ trong việc theo đuổi quyền lợi thông qua quá trình tố tụng, mà còn có thể làm họ e ngại tham gia vào các hoạt động đầu tư có rủi ro cao.

Thứ ba, phạm vi của hiệp định. Một số tranh chấp đầu tư có thể không nằm trong phạm vi của các hiệp định thương mại tự do, điều này tạo ra sự phức tạp và khó khăn khi tìm kiếm các phương thức giải quyết thay thế hoặc xử lý qua các hệ thống pháp lý khác nhau. Điều này tăng sự không chắc chắn và khó khăn trong việc đạt được giải pháp thỏa đáng.

Thứ tư, sự khác biệt về quy định và ngôn ngữ. Sự khác biệt ngôn ngữ trong các văn bản pháp lý của các hiệp định, cũng như sự tồn tại của cả bản tiếng Anh và tiếng Việt, có thể gây ra hiểu lầm và tranh chấp. Điều này đòi hỏi sự chú ý đặc biệt trong quá trình dịch và giải thích pháp lý để đảm bảo sự nhất quán giữa hai phiên bản ngôn ngữ. Các từ ngữ và cụm từ pháp lý thường có ý nghĩa rất cụ thể và có thể không có từ tương đương chính xác giữa các ngôn ngữ. Điều này có thể dẫn đến hiểu lầm về ý nghĩa và mục đích của một điều khoản cụ thể trong hiệp định.

Thứ năm, sự đa dạng trong quy tắc và quy định của từng quốc gia thành viên. CPTPP và EVFTA đều áp dụng cho nhiều quốc gia với hệ thống pháp luật và quy định đầu tư riêng biệt. Điều này tạo ra môi trường pháp lý phức tạp

và đòi hỏi doanh nghiệp và nhà đầu tư phải hiểu và tuân thủ một loạt quy định khác nhau. Sự đa dạng trong quy tắc và quy định của từng quốc gia thành viên trong các hiệp định như CPTPP (Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương) và EVFTA (Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam) thực sự tạo ra một môi trường pháp lý phức tạp. Mỗi quốc gia trong các hiệp định này có hệ thống pháp luật và quy định đầu tư riêng biệt, điều này đòi hỏi các doanh nghiệp và nhà đầu tư phải nắm bắt và tuân thủ một loạt các quy định khác nhau.

Để vượt qua các hạn chế này, cần có sự hợp tác cận thận giữa các bên tham gia và cải thiện quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư. Điều quan trọng là đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong quá trình này và có sự hiểu biết sâu rộng về các hiệp định thương mại tự do và cơ chế giải quyết tranh chấp để bảo vệ quyền và lợi ích của các bên liên quan.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

3.2.1. Hoàn thiện các quy định giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực đầu tư bằng các phương thức

Thứ nhất, cần khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật Trọng tài thương mại năm 2010. Từ thực tiễn hoạt động trọng tài, đề nghị nghiên cứu, ban hành các văn bản hướng dẫn sau đây:

Trung tâm Trọng tài thương mại là tổ chức phi Chính phủ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. Do vậy, để tạo cơ sở pháp lý cho Trung tâm Trọng tài nói riêng, các tổ chức phi Chính phủ nói chung hoạt động hiệu quả, bền vững cần nghiên cứu, ban hành Luật về hoạt động của các tổ chức phi Chính phủ.

Theo quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010, Hội đồng trọng tài được quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong quá trình giải quyết

tranh chấp. Tuy nhiên, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của các bên bị áp dụng mà còn liên quan đến chủ thể khác (liên ngân hàng trong biện pháp phong tỏa tài khoản của người có nghĩa vụ). Chính vì vậy, Chính phủ cần có hướng dẫn cụ thể hơn về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để tạo điều kiện thuận lợi cho Hội đồng trọng tài trong quá trình áp dụng.

Bộ Tư pháp cần ban hành theo thẩm quyền Thông tư hoặc phối hợp với các Bộ, ngành ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010, Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về điều kiện và tiêu chuẩn được thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện của trọng tài ở nước ngoài.

Toà án nhân dân tối cao cần sớm ban hành Nghị quyết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại nhằm tạo ra cách hiểu và áp dụng thống nhất một số quy định của Luật Trọng tài thương mại, góp phần tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc của các Trung tâm trọng tài và trọng tài viên trong hoạt động nghề nghiệp. Nghị quyết hướng dẫn của Toà án nhân dân tối cao liên quan đến các nội dung hỗ trợ tư pháp đối với hoạt động trọng tài như xem xét thoả thuận trọng tài, áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, huỷ quyết định trọng tài.

Thứ hai, Luật Đầu tư năm 2020 ra đời là văn bản pháp lý quan trọng tạo môi trường đầu tư thống nhất, thông thoáng cho các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước. Tuy nhiên, hiện có một số quy định trong Luật Đầu tư còn chưa phù hợp và chưa được hiểu thống nhất. Hơn nữa, Luật Đầu tư vừa mới có hiệu lực pháp luật vẫn còn tồn tại những quy định gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài trong quá trình giải quyết tranh chấp, cụ thể là: Khái niệm “nhà đầu tư nước ngoài” trong Luật Đầu tư 2020 và các Nghị định hướng dẫn thi hành chưa rõ ràng. Từ đây, phát sinh hệ lụy pháp lý về tư cách

của các doanh nghiệp do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư tại Việt Nam. Trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp, nếu coi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là “nhà đầu tư nước ngoài” thì có được coi là có yếu tố nước ngoài không? ảnh hưởng đến vấn đề lựa chọn luật áp dụng giải quyết quan hệ hợp đồng, ngôn ngữ... Theo chúng tôi, nên quy định “nhà đầu tư nước ngoài” là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và doanh nghiệp) để đảm bảo quyền lợi cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Luật Trọng tài thương mại năm 2010 đã làm ảnh hưởng đến quyền của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được Luật Đầu tư đảm bảo. Trọng tài thương mại cho phép các bên trong tranh chấp có yếu tố nước ngoài được lựa chọn quy tắc tố tụng khác, pháp luật áp dụng, trọng tài viên nước ngoài, ngôn ngữ trọng tài, địa điểm giải quyết vụ tranh chấp... Tuy nhiên, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được coi là các chủ thể có yếu tố nước ngoài vì đây là các doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Việc giải quyết tranh chấp về đầu tư bằng trọng tài cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa phù hợp với thông lệ quốc tế. Cụ thể, Luật Trọng tài thương mại làm ảnh hưởng tới quyền chọn hình thức và địa điểm giải quyết tranh chấp của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Luật Đầu tư bảo đảm.

3.2.2. Minh bạch các quy định về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

Các nhà lập pháp và đàm phán viên cần nỗ lực để đảm bảo rằng mọi điều khoản trong hiệp định được viết một cách rõ ràng và cụ thể, giúp giảm thiểu sự không chắc chắn. Việc tăng cường minh bạch và cung cấp đào tạo pháp lý cho các bên liên quan sẽ giúp họ hiểu rõ hơn về nghĩa vụ và quyền lợi của mình theo hiệp định, từ đó giảm thiểu rủi ro tranh chấp.

Những nỗ lực này không chỉ giúp giảm thiểu tranh chấp mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết các vấn đề một cách hiệu quả và công bằng, bảo vệ lợi ích của tất cả các bên liên quan.

Minh bạch trong các quy định về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới là một yếu tố quan trọng để đảm bảo rằng cả nhà đầu tư và các quốc gia tham gia đều có thể hiểu rõ và tuân theo các quy định một cách công bằng. Các hiệp định cần phải mô tả rõ ràng quyền lợi và nghĩa vụ của các bên liên quan. Điều này bao gồm việc giải thích cách thức các quy tắc được áp dụng và các tiêu chí cần thiết để một vụ tranh chấp được coi là hợp lệ. Các quy trình giải quyết tranh chấp phải được mô tả một cách chi tiết, bao gồm các bước cần thiết, thời gian xử lý, và cách thức lựa chọn các trọng tài viên. Đảm bảo rằng tất cả các bên liên quan có thể dễ dàng truy cập thông tin và tài liệu liên quan đến các quy định và quy trình giải quyết tranh chấp.

Các quy định, cũng như các tài liệu và thông tin liên quan, cần được công bố một cách rộng rãi để tăng cường sự trách nhiệm giải trình và công khai. Cung cấp hỗ trợ pháp lý và đào tạo cho các bên liên quan, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, để họ có thể hiểu rõ hơn về các quy định và cách thức tham gia vào quy trình giải quyết tranh chấp. Các quy định cần phải được xem xét và cập nhật thường xuyên để phản ánh sự thay đổi trong môi trường kinh doanh và quốc tế. Việc thực hiện những nguyên tắc này sẽ giúp tạo ra một môi trường đầu tư công bằng, minh bạch và dễ dàng dự đoán, từ đó khuyến khích sự tham gia của các nhà đầu tư và đóng góp vào sự phát triển kinh tế bền vững.

3.3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

3.3.1. Đảm bảo một cơ chế giải quyết tranh chấp thực sự công bằng

Vai trò cũng như hiệu quả giải quyết tranh chấp đầu tư giữa nhà đầu tư nước ngoài với nhà nước tiếp nhận đầu tư của ICSID là không thể phủ nhận.

Việc ra đời của ICSID nhằm giải quyết triệt để một loại hình xung đột rất khó giải quyết, đó là tranh chấp giữa nhà nước tiếp nhận đầu tư với nhà đầu tư nước ngoài. Hầu hết các vụ việc được đưa ra ICSID xuất phát từ nhà đầu tư cho rằng nước tiếp nhận đầu tư vi phạm nguyên tắc đối xử bình đẳng đã được thống nhất trong các hiệp định song phương hoặc đa phương về khuyến khích và bảo hộ đầu tư. Trong một số trường hợp, ICSID đang được các tập đoàn đa quốc gia sử dụng để gây ảnh hưởng đến chính phủ các nước mình hoặc một số thiết chế quốc tế để gây áp lực lên các nước tiếp nhận đầu tư (chủ yếu là các nước đang phát triển và chậm phát triển). Ví dụ như trường hợp của Ecuador và tập đoàn dầu mỏ Occidental. Sau khi tập đoàn dầu mỏ Occidental Petroleum khởi kiện Chính phủ Ecuador ra ICSID do Ecuador đã hủy bỏ hợp đồng khai thác dầu mỏ, thì Hoa Kỳ đã tạm ngưng đàm phán Hiệp định tự do thương mại với Ecuador. Hay một trường hợp khác là của Gambia và một tập đoàn của Thụy sĩ. Khi tập đoàn này có hành vi vi phạm luật phòng chống rửa tiền, Chính phủ Gambia đã tịch thu tài sản của tập đoàn này. Sau đó nhà đầu tư này đã khởi kiện Chính phủ Gambia ra ICSID, và trong suốt quá trình vụ kiện tại ICSID chống lại nước này diễn ra, World Bank và IMF đã tìm mọi cách để trì hoãn tiến trình xóa nợ cho nước này. Mặt khác, dưới sự phát triển như vũ bão của các hiệp định đầu tư song phương và đa phương, các nhà đầu tư nước ngoài mà cụ thể là các tập đoàn đa quốc gia đã có được sự bảo vệ chống lại các hành động của các quốc gia mà các động thái này có thể làm phương hại đến lợi nhuận của họ, bằng cách khởi kiện ra trung tâm trọng tài ICSID. Trong khi một tổ chức được gọi là trọng tài, thì nó phải duy trì được tính độc lập và khách quan trong xét xử thì việc ICSID là một phần của World Bank và nhân sự cũng lại được đề cử bởi World Bank, là một điều không phù hợp bởi như thế sẽ không hề dễ dàng để ICSID đưa ra một phán quyết hoàn toàn công tâm. Bên cạnh đó, do đặc thù của mình mà ICSID thường giải quyết các tranh chấp đầu

tư liên quan đến các lĩnh vực dịch vụ công, như vệ sinh công cộng, các dự án dầu khí, điện, khai thác khoáng sản... và ICSID đang phải đứng giữa lợi ích tư nhân và lợi ích công cộng. Trên thực tế, dựa trên các phán quyết đã được ban hành bởi hội đồng trọng tài ICSID chưa cho thấy được rằng có sự tôn trọng của ICSID về các vấn đề môi trường, lợi ích công cộng, quyền con người hay chủ quyền quốc gia. Tình hình nghiêm trọng đến mức mà Tổng thống Bolivia khi bàn về ICSID đã đưa ra kết luận rằng: Các nhà đầu tư được xử thắng kiện chiếm tỷ lệ lớn. ICSID đã trao quá nhiều quyền lực cho các tập đoàn đa quốc gia thông qua các hiệp định đầu tư. Theo đó, ICSID được xem là nhằm mục đích thúc đẩy và bảo vệ các nhà đầu tư nước ngoài và bỏ qua yếu tố dân chủ và lợi ích công cộng. ICSID cũng có khuynh hướng vi phạm chủ quyền quốc gia, hiến pháp và luật pháp của quốc gia đó. Mặc dù ICSID ra đời với một mục đích tốt, đó là một cơ chế cân bằng lợi ích giữa nhà đầu tư nước ngoài với nhà nước tiếp nhận đầu tư nhằm thúc đẩy hoạt động đầu tư. Nhưng cơ chế này vẫn chưa thực sự hoàn hảo khi mà ở một khía cạnh nào đó, tính khách quan của nó vẫn còn bị đặt câu hỏi hoặc những giá trị liên quan đến cộng đồng như môi trường hay quyền con người bị quên lãng. Bởi vậy, nếu như ICSID là một thiết chế mang tính độc lập hơn, độc lập với cả tổ chức khai sinh ra nó là World Bank và trong quy tắc của ICSID cũng như trong quá trình hội đồng trọng tài của ICSID xử lý vụ việc, cân nhắc hơn đến những giá trị hay những lợi ích của cộng đồng như vấn đề môi trường hay quyền con người thì có lẽ đây sẽ là một cơ chế hoàn hảo và xứng đáng được tất cả các nhà đầu tư và mọi quốc gia hoàn toàn đón nhận.

Để giải quyết những vấn đề này, cần có sự nỗ lực từ các chính phủ và cơ quan quản lý để làm rõ các quy định, cung cấp hướng dẫn chi tiết và đảm bảo rằng các quy định pháp lý được thông báo rộng rãi và hiểu một cách chính xác. Ngoài ra, việc xây dựng một hệ thống trọng tài quốc tế minh bạch và công bằng

cũng có thể giúp tăng cường niềm tin và sự nhất quán trong giải quyết tranh chấp.

3.3.2. Vấn đề chi phí và tính minh bạch của vụ kiện tại ICSID

Lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp ICSID đối với Chính phủ, cũng như công ty của các nước chậm phát triển hoặc đang phát triển đó chính là chi phí. Những chi phí này bao gồm chi phí trọng tài và các chi phí liên quan đến vụ kiện (ví dụ: chi phí thuê luật sư, chuyên gia, thù lao, ăn ở, đi lại...) được giải quyết tại ICSID. Chi phí cho vụ kiện được giải quyết bởi trọng tài ICSID quá cao trong khi ICSID không có bất kỳ một cơ chế nào hỗ trợ các nước kém phát triển và đang phát triển. Bởi vậy, thực sự là gánh nặng cho các quốc gia này khi tham gia vào các vụ kiện tại ICSID. Đặc biệt đối với những quốc gia đang hoặc vừa trải qua một cuộc khủng hoảng giống như Argentina hay Hy Lạp thì thời gian và chi phí để các nước này theo đuổi các vụ kiện có thể làm kiệt quệ nguồn lực của Chính phủ, và không còn nguồn lực để phục vụ các mục tiêu khôi phục kinh tế khác. Vì vậy, một cơ chế hỗ trợ chi phí pháp lý trong khuôn khổ của ICSID tương tự như những gì đang được áp dụng theo cơ chế giải quyết tranh chấp tại WTO là rất đáng khuyến khích. Bên cạnh đó, đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, Trung tâm ICSID cũng cần tạo điều kiện để các đại diện của những quốc gia này có cơ hội tham gia học tập, thực hành tại Trung tâm ICSID nhằm nâng cao nhận thức, hiểu rõ hơn về cơ chế giải quyết tranh chấp của ICSID qua đó giúp cho các quốc gia này tránh được những hệ lụy đáng tiếc xảy ra từ các vụ kiện. Các vụ tranh chấp diễn ra được giải quyết tại ICSID thường được giữ bí mật giữa các bên. Các chủ thể khác hầu như không được biết thông tin chi tiết, cũng như các bằng chứng, hay thậm chí diễn biến vụ kiện đã đi đến đâu. Trên thực tế, ICSID là một trung tâm trọng tài, chính vì vậy việc có minh bạch hay không minh bạch thông tin về vụ kiện, hoàn toàn phụ thuộc vào các bên trong tranh chấp có đồng ý hay không đồng ý. Tuy

nhiên, khác với giải quyết các vụ việc thương mại thông thường giữa các nhà đầu tư khác, những tranh chấp thuộc thẩm quyền của ICSID là giữa nhà đầu tư nước ngoài và một chủ thể đặc biệt đó là nhà nước tiếp nhận đầu tư.

3.3.3. Hạn chế tối đa tranh chấp trong việc thực thi các cam kết Hiệp định bảo hộ đầu tư

Phổ biến về các nội dung của Hiệp định và những việc cần làm để thực thi Hiệp định cho các đối tượng bị tác động của Hiệp định như cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương nhà đầu tư, hiệp hội ngành hàng, cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, nông dân, ngư dân; củng cố mạng lưới và đẩy mạnh thông tin dự báo về các thị trường xuất nhập khẩu, thị trường trong nước để các doanh nghiệp có thể nắm bắt kịp thời các yêu cầu về xuất nhập khẩu hàng hóa của EU; dự báo được nhu cầu của thị trường trong nước, ứng phó với sự cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu;

Cùng với đó, sớm xây dựng lộ trình thực hiện để đảm bảo thực thi có hiệu quả các quy định của Hiệp định. Tiếp tục thực hiện các biện pháp cải thiện môi trường kinh doanh: đơn giản hóa và minh bạch hóa điều kiện gia nhập thị trường cho các doanh nghiệp; trong đó có doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thông qua việc cắt giảm các điều kiện đầu tư kinh doanh nói chung và điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài nói riêng; tăng cường giám sát thực thi ở cấp cơ sở để đảm bảo các chính sách tiến bộ về cải thiện môi trường kinh doanh được triển khai có hiệu quả trên thực tế

Trên thực tế, những quy định mang tính chung chung và không thực sự rõ ràng trong các hiệp định đầu tư là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự bất đồng giữa các bên. Ví dụ như các khái niệm về “đầu tư”, “đối xử tối thiểu” hay “đối xử công bằng và thỏa đáng”. Các quốc gia đang phát triển trong đó có Việt Nam với nhu cầu thu hút đầu tư nước ngoài nhằm phát triển kinh tế, đã ký rất nhiều các hiệp định về đầu tư trong khi không có đủ khả năng xây dựng hay

đàm phán các điều khoản trong các hiệp định, thường mang tính “chấp nhận” và “nhượng bộ”. Điều này, dẫn tới việc tự làm khó mình và có thể phát sinh nhiều rủi ro trong quá trình thực hiện. Vì vậy, trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam cần phải đầu tư nhiều hơn vào nghiên cứu chuyên sâu về pháp luật đầu tư nước ngoài đặc biệt là các vấn đề như: các quy định, điều khoản trong các hiệp định đầu tư đã ký kết, xu hướng mới trên thế giới về luật đầu tư nước ngoài, kinh nghiệm của các quốc gia khác... Các hiệp định đầu tư quốc tế sẽ trở thành nguồn luật áp dụng trong những trường hợp phát sinh tranh chấp giữa cơ quan Nhà nước Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài, nên việc đàm phán ký kết các hiệp định này phải được cân nhắc một cách thận trọng. Để làm tốt được điều này chúng ta phải tìm hiểu và nắm vững được các quy định của pháp luật đầu tư nước ngoài trong cả lý thuyết và thực tiễn. Kế đến, Việt Nam cũng phải tiến hành kiểm tra, rà soát lại các hiệp định đầu tư đã ký kết với nước ngoài. Trong đó, đối với những khái niệm còn mập mờ, chưa rõ có thể gây khó khăn bất lợi trong quá trình giải quyết tranh chấp thì phải tập trung trao đổi, đàm phán để làm rõ vấn đề. Mục tiêu hướng tới của chúng ta là ký kết các hiệp định đầu tư mới với các quy định chi tiết, rõ ràng, dễ hiểu để sau này nếu có xảy ra tranh chấp thì việc giải quyết cũng sẽ trở nên không quá phức tạp. Cuối cùng là trước khi xây dựng, ký kết các hiệp định đầu tư với các quốc gia đối tác, Việt Nam nên tham khảo các hiệp định đầu tư mẫu và các hiệp định đầu tư của các quốc gia phát triển mạnh về hoạt động đầu tư cũng như tiếp nhận đầu tư để lựa chọn ra những quy định phù hợp với chúng ta.

3.3.4. Xây dựng cơ chế phòng ngừa và hỗ trợ giải quyết tranh chấp

Hiện nay, mặc dù Việt Nam đã tham gia một số vụ kiện hay nói cách khác là chúng ta bị buộc tham gia các vụ kiện đó, bởi chúng ta bị các nhà đầu tư nước ngoài kiện. Có những vụ đã giải quyết xong và có những vụ vẫn còn đang trong quá trình tiến hành thủ tục giải quyết. Tuy nhiên, sự chủ động thì thực sự

là chúng ta chưa có, chỉ khi nào bị các nhà đầu tư kiện thì Chính phủ, các Bộ, ngành mới tham gia một cách tương đối chậm chạp. Mặc dù đến năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định giao cho Bộ Tư pháp (cụ thể là Vụ Pháp luật quốc tế) chịu trách nhiệm chính trong những vụ kiện của nhà đầu tư nước ngoài. Nhưng như vậy là chưa đủ, chúng ta phải tạo cho mình một vị thế thật sự chủ động. Bên cạnh việc chủ động tham gia vào vụ kiện, còn phải chủ động thiết lập một cơ chế nhằm đối phó với nguy cơ phát sinh tranh chấp, với mục đích là ngăn chặn những vấn đề khúc mắc liên quan đến đầu tư phát triển trở thành một tranh chấp về đầu tư. Thiết lập một cơ quan đầu mối để tiếp nhận và giải đáp các thắc mắc, khó khăn của nhà đầu tư. Từ đó, họ xác định chính xác vấn đề và kịp thời đưa ra những biện pháp điều chỉnh. Xa hơn nữa, để ngăn ngừa tranh chấp có hiệu quả hơn, Chính phủ cần phải quản lý việc thực hiện chính sách đầu tư của tất cả các cơ quan, địa phương trong cả nước. Nhiều tranh chấp trên thực tiễn cho thấy Nhà nước phải chịu trách nhiệm do hành vi của một hay một số cơ quan có thẩm quyền vi phạm các cam kết theo hiệp định đầu tư hoặc theo các hợp đồng đầu tư. Các chính sách về đầu tư cũng phải được xây dựng thống nhất từ trên xuống dưới chứ không thể mạnh địa phương nào thì địa phương ấy làm bằng mọi cách, để thu hút đầu tư nước ngoài giống như hiện nay. Để giải quyết vấn đề này, Việt Nam nên xây dựng một thiết chế tư vấn chung cho các cơ quan Nhà nước khi các cơ quan này dự định ban hành một quyết định liên quan đến đầu tư hoặc ký một hợp đồng đầu tư, từ đó hạn chế được các hành động vi phạm nghĩa vụ với nhà đầu tư. Ngoài ra, Chính phủ cũng phải yêu cầu tất cả các cơ quan liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài, phải định kỳ báo cáo về những vấn đề phát sinh đối với nhà đầu tư nước ngoài và cách thức giải quyết mà cơ quan đó đã thực hiện. Mạng lưới thông tin về đầu tư phải hoạt động liên tục và thống nhất từ trung ương tới địa phương. Các cơ quan Nhà nước cũng phải thường xuyên cập nhật và trao đổi thông tin lẫn

nhau. Trong đó, đặc biệt là các thông tin về nội dung, tiến trình đàm phán các hiệp định đầu tư của Việt Nam với các quốc gia khác; về nghĩa vụ của Nhà nước theo các hiệp định đầu tư nước ngoài và những nguy cơ xảy ra tranh chấp và bị khởi kiện bởi nhà đầu tư nước ngoài; thông tin về một số vụ kiện hay các án lệ (bao gồm nội dung các bản án đã dịch, những phân tích và lưu ý về khả năng vi phạm nghĩa vụ của cơ quan Nhà nước đối với nhà đầu tư nước ngoài theo các Hiệp định đầu tư) mà các quốc gia khác đặc biệt là các quốc gia đang phát triển như Việt Nam đã và đang phải đối mặt. Từ đó, các cơ quan Nhà nước cấp dưới có thể nắm bắt được đầy đủ các thông tin về chính sách, quy định về đầu tư của Nhà nước. Mặt khác, các cơ quan quản lý cấp trên có thể kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các cơ quan cấp dưới một cách thường xuyên và thống nhất hơn. Hoạt động này sẽ giúp tạo ra sự thống nhất trong việc ban hành các văn bản pháp luật, chính sách cũng như thực hiện các quy định có liên quan đến đầu tư nước ngoài, ngăn ngừa và phòng tránh khả năng các cơ quan quản lý cấp địa phương thực hiện không đúng những nghĩa vụ đối với nhà đầu tư nước ngoài mà Nhà nước cam kết trong các hiệp định đầu tư.

3.3.5. Về cơ chế hỗ trợ thông tin, pháp lý, bồi dưỡng lý luận, nâng cao năng lực từ phía Nhà nước đối với các tổ chức phi Chính phủ, trong đó có tổ chức trọng tài thương mại

Thứ nhất, cần có cơ chế hỗ trợ thông tin, pháp lý, bồi dưỡng lý luận, nâng cao năng lực từ phía Nhà nước đối với các tổ chức phi Chính phủ, trong đó có trọng tài thương mại. Đây là một giải pháp quan trọng. Nếu có sự hỗ trợ thích đáng thì trọng tài thương mại có thể phát huy mạnh được chức năng và vai trò của mình. Ở các nước trên thế giới, người ta chỉ giải quyết tranh chấp thương mại tại trọng tài là chủ yếu, giải quyết qua toà án chiếm một tỷ lệ không lớn. Trong khi đó ở nước ta số lượng các vụ việc được giải quyết tại các tổ chức trọng tài rất hạn chế. Qua khảo sát thực tế, ở nước ta các tổ chức phi Chính phủ

chưa được các cơ quan, xã hội đánh giá đúng “tâm”.. Có một thực trạng là các tổ chức phi Chính phủ chưa được tiếp cận nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước. Do vậy, chưa tạo điều kiện cho những người công tác tại các tổ chức này nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn, qua đó này ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công việc. Nếu Nhà nước không có sự hỗ trợ đúng mức thì các tổ chức phi Chính phủ, trong đó có trọng tài thương mại không thể phát huy hết vai trò của mình trong việc thực hiện chức năng của mình. Chính vì vậy, cần có cơ chế tạo điều kiện cho những người công tác tại các tổ chức phi Chính phủ của Việt Nam được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ hiểu biết về chính sách, pháp luật, lý luận phục vụ công việc của họ.

Thứ hai, bên cạnh đó, việc tổ chức lấy ý kiến tham gia xây dựng pháp luật của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp chưa thực sự có hiệu quả; hình thức và phương pháp thực hiện chưa khoa học; phạm vi và hình thức tham gia còn hạn hẹp, chưa được mở rộng cho tương xứng và phù hợp với vai trò, chức năng của tổ chức và với chủ trương thực hiện xã hội hoá hoạt động xây dựng pháp luật, một số dự án, dự thảo sau khi được Chính phủ thảo luận thì mới nhận được phản ứng từ phía dư luận xã hội. Hiện nay hình thức chủ yếu để tham gia ý kiến là góp ý cho dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, chưa mở rộng ra các hình thức như tham gia soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, nhất là chưa chủ trì soạn thảo theo phương thức đấu thầu...Do vậy, các tổ chức phi Chính phủ nói chung, trọng tài thương mại nói riêng ít có điều kiện tiếp cận sớm với thông tin, chính sách, pháp luật trong quá trình soạn thảo.

3.3.6. Đào tạo chuyên gia và chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để đối phó với các tranh chấp với nhà đầu tư nước ngoài

Tranh chấp đầu tư giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà nước tiếp nhận đầu tư là một dạng tranh chấp quốc tế có nội dung và trình tự giải quyết hết sức phức tạp. Chính vì vậy, đối với những quốc gia đang phát triển như Việt Nam,

với nguồn nhân lực còn thiếu, khi bị nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện ra trọng tài quốc tế thì thường phải sử dụng luật sư tư vấn nước ngoài và chúng ta cũng thường lúng túng, chần chừ trong việc lựa chọn và sử dụng hãng luật nào hay Công ty luật nào. Bên cạnh đó, việc sử dụng các Công ty luật của nước ngoài cũng không thể là một giải pháp lâu dài, bởi chi phí dịch vụ của các hãng luật nước ngoài là vô cùng cao, đôi khi lên đến nhiều triệu đô la. Điều này làm cho những nước đang phát triển như Việt Nam khi tham gia những vụ kiện đã khó khăn lại càng khó khăn hơn. Chính vì vậy, ngay từ bây giờ chúng ta phải phát triển một đội ngũ luật sư giỏi, chuyên nghiệp để chúng ta sẽ chủ động hơn, không còn bị lúng túng trong các vụ kiện, và chi phí cho vụ kiện cũng sẽ được giảm bớt một cách đáng kể. Người xưa có câu: “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”. Chính vì vậy, một đội ngũ luật sư, chuyên gia (đặc biệt là trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài) có chất lượng sẽ là nguồn lực vô cùng quan trọng để giúp cho chúng ta tự tin đối mặt với các vụ kiện từ các nhà đầu tư nước ngoài. Để có thể phát triển được một đội ngũ chuyên gia như vậy, chúng ta phải có chiến lược dài hơi như sau:

Thứ nhất, khuyến khích phát triển ngành luật trong các trường đại học trên toàn quốc đặc biệt là chuyên ngành luật quốc tế. Việc giảng dạy bằng tiếng Anh cũng cần được lưu tâm, đặc biệt là tiếng Anh chuyên ngành luật.

Thứ hai, Nhà nước phải thường xuyên mở những lớp đào tạo, hội thảo, tọa đàm trao đổi do các chuyên gia pháp lý có kinh nghiệm của nước ngoài giảng dạy hoặc tham gia cho các chuyên gia pháp lý, các luật sư về luật đầu tư nước ngoài, về giải quyết tranh chấp giữa nhà nước với nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ ba, khi chưa đào tạo được đội ngũ chuyên gia, luật sư giỏi, đối với những vụ kiện trước mắt, chúng ta nên cân nhắc tới việc kết hợp sử dụng đội ngũ luật sư trong nước và các hãng luật nước ngoài để vừa giải quyết tranh chấp, vừa tạo điều kiện cho các chuyên gia, luật sư của mình được học hỏi kinh nghiệm về giải quyết tranh chấp đầu tư nước ngoài.

3.3.7. Hoạt động của doanh nghiệp và nhà đầu tư

Sự đa dạng trong quy tắc và quy định của từng quốc gia thành viên trong các hiệp định như CPTPP (Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương) và EVFTA (Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam) thực sự tạo ra một môi trường pháp lý phức tạp. Mỗi quốc gia trong các hiệp định này có hệ thống pháp luật và quy định đầu tư riêng biệt, điều này đòi hỏi các doanh nghiệp và nhà đầu tư phải nắm bắt và tuân thủ một loạt các quy định khác nhau.

Đối với doanh nghiệp và nhà đầu tư, cần nắm vững các quy định địa phương. Điều này đòi hỏi việc nghiên cứu kỹ lưỡng và thường xuyên cập nhật các thay đổi trong luật lệ của từng quốc gia thành viên. Tuân thủ quy định đa quốc gia, cần phải hiểu rõ cách thức mà các quy định của hiệp định tác động đến hoạt động kinh doanh, từ quy tắc xuất xứ, quản lý thuế quan, đến các quy định về lao động và môi trường. Cần phải xác định rõ ràng các rủi ro pháp lý và tuân thủ liên quan đến việc kinh doanh quốc tế và phát triển các chiến lược để giảm thiểu những rủi ro này. Doanh nghiệp có thể cần phải hợp tác với các đối tác địa phương hoặc quốc tế để hiểu rõ hơn về môi trường pháp lý cụ thể và để đảm bảo tuân thủ hiệu quả. Sự đa dạng này tuy phức tạp nhưng cũng tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp có khả năng thích nghi và đáp ứng linh hoạt với các thay đổi trong môi trường pháp lý toàn cầu.

3.3.8. Đảm bảo thực hiện hiệp định EVFTA và CPTPP

Để vượt qua những thách thức này, sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên tham gia là quan trọng. Ngoài ra, việc hiểu rõ các quy định pháp lý, tư vấn từ các chuyên gia pháp lý, và đảm bảo tính minh bạch trong quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư là điều rất cần thiết. Điều quan trọng là đảm bảo rằng quyền và lợi ích của các bên liên quan được bảo vệ trong quá trình này. Các bên tham gia cần có sự hiểu biết sâu rộng về các hiệp định thương mại tự do và quyền và

cam kết của họ dưới đây. Điều này giúp tránh hiểu lầm và tranh chấp không cần thiết. Các bên cần hợp tác một cách tăng cường để tìm ra giải pháp cho các tranh chấp đầu tư. Sự hợp tác này có thể bao gồm đàm phán và thỏa thuận giữa các bên, thay vì phải dựa vào quyết định của một bên thứ ba. Cải thiện quy trình giải quyết tranh chấp, quá trình giải quyết tranh chấp đầu tư cần phải được cải thiện để đảm bảo tính công bằng và minh bạch. Điều này bao gồm việc đảm bảo quy trình là công khai và có sự tham gia của cả hai bên. Các thông tin liên quan đến tranh chấp đầu tư cần được công bố một cách minh bạch, và các phiên tòa và quyết định cần được ghi nhận và công bố.

CPTPP và EVFTA có sự khác biệt trong quy định và quy tắc. Các bên cần phải đối diện với sự khác biệt này và thảo luận để tìm cách áp dụng chúng một cách hiệu quả. Các doanh nghiệp và các bên tham gia cần tìm kiếm sự hỗ trợ chuyên môn từ luật sư và chuyên gia trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp đầu tư. Theo dõi và thường xuyên cập nhật về quy định và cam kết trong các hiệp định thương mại tự do để đảm bảo tuân thủ và sử dụng chúng một cách hợp lý. Việc hợp tác, hiểu biết, và tuân thủ quy định là quan trọng để giải quyết tranh chấp đầu tư theo các hiệp định thương mại tự do một cách hiệu quả và công bằng, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích của các bên liên quan.

Tiểu kết Chương 3

Pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư là hệ thống quy phạm pháp luật được quốc gia tiếp nhận đầu tư ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư khi tham gia vào hoạt động đầu tư kinh doanh ở nước sở tại. Chương 3 đề án đã phân tích định hướng hoàn thiện pháp luật và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư. Theo đó, giải quyết tranh chấp đầu tư phải gắn liền với chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước về thu hút nguồn lực tư nhân vào phát triển kết cấu hạ tầng, trên cơ sở đó khắc phục những mâu thuẫn, bất cập trong thực tiễn áp dụng, tạo ra hệ thống pháp luật về đầu tư thống nhất và đồng bộ, phù hợp với thông lệ quốc tế và đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Chương 3 đề án đã nghiên cứu hai nội dung chính sau đây: i) thực trạng pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư ở Việt Nam; ii) thực tiễn thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư ở Việt Nam và giữa Việt Nam và EU. Từ đó, đề án đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư trong Chương 3 đề án.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài: “*Pháp luật về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với chính phủ Việt Nam theo các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*” có thể rút ra các kết luận sau:

Dựa trên các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, Việt Nam đang khẳng định vị thế địa-chính trị quan trọng của mình ở Đông Nam Á và châu Á-Thái Bình Dương cũng như trên trường quốc tế. Những hiệp định này không chỉ tạo ra cơ sở pháp lý cho Việt Nam thực thi cam kết một cách công bằng, minh bạch và hiệu quả, mà còn đặt ra thách thức trong việc giải quyết tranh chấp. Điều này đòi hỏi Việt Nam phải liên tục hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật để đảm bảo sự nhất quán, công bằng và minh bạch, đồng thời xây dựng cơ chế cảnh báo sớm để phòng ngừa tranh chấp. Cam kết theo các hiệp định này cũng sẽ là động lực thúc đẩy Việt Nam hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách, nhằm tạo ra môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi, bình đẳng và an toàn hơn.

Đề án này tập trung vào việc luận giải khái niệm và đặc điểm của đầu tư, và phân tích lý luận về đầu tư cũng như pháp luật giải quyết tranh chấp đầu tư. Nghiên cứu sâu về pháp luật giải quyết tranh chấp đầu tư, bao gồm khái niệm, đặc điểm và vai trò của nó, đề án cũng xem xét quy định của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để so sánh với pháp luật Việt Nam. Nghiên cứu này sẽ đánh giá mức độ phù hợp của pháp luật Việt Nam với thực tế và thông lệ quốc tế, cung cấp cơ sở để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp đầu tư.

Trong xu hướng toàn cầu hóa, đầu tư quốc tế ngày càng đóng một vai trò quan trọng đối với nền kinh tế của các quốc gia, đặc biệt là đối với các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Lợi ích thu được từ hoạt động này rất lớn, song những thách thức đặt ra cũng không ít, đặc biệt là thách thức từ

việc giải quyết tranh chấp đầu tư có yếu tố nước ngoài. Các vấn đề về giải quyết tranh chấp đầu tư đối với các dự án đầu tư đặc thù như lĩnh vực đầu tư đòi hỏi cần phải có những quy định, cơ chế đặc thù. Việc hoàn thiện pháp luật đầu tư nói chung và pháp luật giải quyết tranh chấp đầu tư nói riêng phải được thực hiện một cách đồng bộ trên cơ sở kế thừa, phát triển những quy định pháp luật trước đó, đồng thời loại bỏ những hạn chế, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Văn bản pháp luật, Điều ước quốc tế

1. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương *CPTPP*
2. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam và Liên minh Châu Âu *EVFTA*
3. Hiệp định bảo hộ đầu tư Việt Nam và Liên minh Châu Âu *EVIPA*.
4. Quốc hội (2020), Luật Đầu tư.
5. Quốc hội (2020), Luật Doanh nghiệp.
6. Quốc hội (2015), Bộ luật Tố tụng Dân sự.

II. Tài liệu tham khảo

2.1. Tài liệu tham khảo tiếng Việt

1. Lại Thế Anh (2007), “Vài nét về thực trạng trọng tài thương mại Việt Nam”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật tháng 6/2007*, Số chuyên đề về Trọng tài thương mại.
2. Lương Thanh Bình (2015), *Giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước với nhà đầu tư nước ngoài theo cơ chế của ICSID*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Claudio Dordi, Nguyễn Thanh Tâm (Chủ biên, 2017), *Giáo trình Luật Đầu tư Quốc tế*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
4. Đỗ Thanh Hà (2016), “Tìm hiểu cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư giữa nhà đầu tư nước ngoài với chính phủ nước tiếp nhận đầu tư”, *Tạp chí Nghề luật*, số 2/2016.
5. Nguyễn Minh Hằng (2012), “Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và chính phủ nước tiếp nhận đầu tư - Một vài suy nghĩ đối với Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, Số đặc san Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế/2012.
6. Nguyễn Thu Hằng (2017), “Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với nhà nước theo các Hiệp định Thương mại tự do, Hiệp định kinh tế

thế hệ mới”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*. Số chuyên đề Hội nhập quốc tế về pháp luật.

7. Hoàng Phước Hiệp (2012), “Tham luận tại Hội thảo về giải quyết tranh chấp giữa Chính phủ và nhà đầu tư nước ngoài”, (Bộ Tư pháp tổ chức tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc ngày 12/7/2012).

8. Đào Văn Hội (2003), *Giải quyết tranh chấp kinh tế trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội. Tài liệu tham khảo.

9. Vũ Chí Lộc (chủ biên, 2012), *Giáo trình Đầu tư Quốc tế*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

10. Đỗ Thị Ngọc (2000), *Giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài ở Việt Nam, Thực trạng và Phương hướng hoàn thiện*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

11. Châu Huy Quang (2021), *Cơ chế Giải quyết tranh chấp đầu tư trong bối cảnh cải cách tư pháp và môi trường ở Việt Nam*”, Nxb. Hồng Đức.

12. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2008), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Sài Gòn.

13. Nguyễn Phú Tụ và Huỳnh Công Minh, 2018, *Mối quan hệ giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam*, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ lần thứ nhất.

14. Bành Quốc Tuấn (2015), “Quyền miễn trừ của quốc gia trong tư pháp quốc tế Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 13/2010.

15. Trần Anh Tuấn (2018), “Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà nước bằng phương thức trọng tài quốc tế trong khuôn khổ ASEAN”, *Tạp chí Luật học*, số 1/2018.

2.2. Tài liệu tham khảo tiếng Anh

1. B. A. Garner (ed.), *Black's Law Dictionary* (1999).

2. Conflict of law problems concerning FTAs and the WTO have drawn much academic interests. See generally Tim Graewert, *Conflicting Laws and Jurisdiction the Dispute Settlement Process of Regional Trade Agreements and the WTO*, 1(2) CONTEMP. ASIAARB.J.287 (2008).

3. ICSID Case No. ARB/97/7, October 28, 1999, ICSID Review - Foreign Investment Law Journal.

4. J.Bell & A.W.Bradley (1991), *Government Liability: A comparative Study* (United Kingdom Comparative Law Service, vol.13).

5. R. J. Daniels, "Defecting on Development: Bilateral Investment Treaties and the subversion of the Rule of Law in the Developing World", (draft paper) (2004) cited in Susan D. Franck "Foreign Direct Investment, Investment Treaty Arbitration and the Rule of Law". Footnote 143 page 366. *Global Business and Development Law Journal*. Volume 19, 2007.

6. United Nations (2014), *Investor – state disputes settlement: UNCTAD Series on Issues in International Investment Agreements II*, New York and Geneva.

7. Yannaca-Smaill, Katia, What about This "Umbrella Clause"?, in Yannaca-Smaill, Katia (ed), *Arbitration under International Investment Agreements: A Guide to the Key Issues* (Oxford University Press 2010).

2.3. Tài liệu tham khảo internet

1. Cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế giữa nhà đầu tư nước ngoài và Chính phủ Việt Nam trong khuôn khổ các FTA thế hệ mới <https://tapchitaichinh.vn/co-che-giai-quyet-tranh-chap-dau-tu-quoc-te-giua-nha-dau-tu-nuoc-ngoai-va-chinh-phu-viet-nam-trong-khuon-kho-cac-fta-the-he-moi.html> truy cập ngày 14/10/2023.

2. Government to pay OPIC claim of \$260m, The Jakarta post, liên kết <http://www.thejakartapost.com/news/2001/05/12/government-pay-opic->

claim-260m.html 37 Theo từ điển pháp lí Hoa Kỳ, liên kết <http://definitions.uslegal.com/c/calvo-doctrine/> truy cập ngày 6/10/2023.

3. Dương Quỳnh Hoa, 2018, Hòa giải – một phương thức giải quyết tranh chấp thay thế, tại địa chỉ http://www.nclp.org.vn/thuc_tien_phap_luat/hoa-giai-motphuong-thuc-giai-quyet-tranh-chap-thay-the, truy cập ngày 05/09/2023.

4. Phan Thị Thanh Thủy, “Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế - Những thách thức đối với Chính phủ Việt Nam”, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, <<http://tcdepl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/phap-luat-kinh-te.aspx?ItemID=169>,> ngày truy cập 22/9/2023.

5. Mai Hoa và Hà Dung, 2018, Việt Nam có nên tham gia công ước ICSID?, tại địa chỉ <http://phapluatvn.vn/thoi-su/201202/Viet-Nam-co-nen-tham-gia-conguoc-iCSid-2063563/>, truy cập ngày 6/10/2023.